



Hồ Chí Minh

VỚI VĂN NGHỆ SĨ
VĂN NGHỆ SĨ VỚI HỒ CHÍ MINH

Tập 6

HỒ CHÍ MINH - TƯ TƯỞNG VÀ TÁC PHẨM

(Thơ)



NHÀ XUẤT BẢN HỘI NHÀ VĂN

HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH NỘI DUNG

Gs. Ts PHÙNG HỮU PHÚ (Chủ tịch)

Nhà thơ HỮU THỈNH (Phó chủ tịch)

Ts. NGUYỄN THỂ KỶ (Phó chủ tịch)

Cử nhân HOÀNG THANH KHIẾT

Nhà văn ĐỖ KIM CUÔNG

Pgs. Ts NGUYỄN HỮU THỨC

Pgs. Ts TRẦN MINH TRƯỜNG

Pgs. Ts PHAN TRỌNG THƯỜNG

Nhà văn PHẠM TRUNG ĐÌNH

BAN THƯ KÝ

DƯƠNG QUỐC HÙNG (Trưởng ban)

TRẦN QUANG QUÝ (Phó Trưởng ban Thường trực)

NGÔ MINH (Phó Trưởng ban)

LÊ THỊ BÍCH HỒNG (Ủy viên)

MAI LIỄU (Ủy viên)

HÀ ĐÌNH CÂN (Ủy viên)

BAN BIÊN SOẠN

Nhà thơ HỮU THỈNH (Chủ biên)

Nhà văn PHẠM TRUNG ĐÌNH

Nhà thơ TRẦN QUANG QUÝ

Văn hoá nghệ thuật cũng là một mặt trận.

Anh chị em là chiến sĩ trên mặt trận ấy.

HỒ CHÍ MINH

LỜI NHÀ XUẤT BẢN

Trong di sản văn hóa đặc sắc của Chủ tịch Hồ Chí Minh để lại, thì thơ ca của Người chiếm vị trí quan trọng hàng đầu. Bác Hồ vừa là nhà văn hóa lỗi lạc, vừa là nhà văn xuất chúng, vừa là nhà thơ lớn của dân tộc Việt Nam. Chỉ riêng tập *“Nhật ký trong tù”* viết bằng chữ Hán đã tự nó nói lên tầm vóc của một tâm hồn lớn, một tâm hồn tài hoa của một thi sĩ giàu lòng yêu nước thương nòi, nhưng cốt cách thì luôn ung dung tự tại, tin vào ngày mai tươi sáng, tin vào con đường mà mình đã chọn, dấu hiện tại bản thân lâm cảnh lao tù. Bác Hồ làm thơ, viết văn ngoài tư chất bẩm sinh là một nghệ sĩ tài hoa, còn trüu nặng tư chất của một nhà cách mạng quyết liệt, một vị lãnh tụ xuất chúng trước bối cảnh đất nước bị họa ngoại xâm, nhân dân phải sống trong lầm than, u tối. Tập thơ *“Nhật ký trong tù”* mà chúng tôi trân trọng đưa lên đầu sách kể cả nguyên văn bản chữ Hán vào trong ấn phẩm này, vì đây là một phần di sản văn hóa độc đáo vô cùng quan trọng của Người...

Phần *“Những bài thơ khác”* là toàn bộ những bài thơ Bác làm khi tức cảnh trên đường công tác, lúc phục vụ cho công tác tuyên truyền chính trị hay khuyên nhủ, khen ngợi, khuyến khích các giới đồng bào, dạy bảo các cháu thiếu niên nhi đồng, tạo nên phong cách thơ rất riêng, vừa gần gũi với nhân dân, vừa thổ lộ được tình cảm cao cả của Người và vừa giúp cho các tầng lớp nhân dân tiếp thu được, thấm nhuần được một cách sâu sắc đường lối chính sách của Đảng của Bác trong từng thời điểm Cách Mạng. Có thể nói, những bài thơ này là sự kết hợp tài tình giữa thi và ca, giữa cách suy nghĩ giàu hình tượng ví von giàu liên tưởng, lối tư duy bình dân của người Việt, giản dị, sáng rõ nhưng lại vẫn bảo đảm chặt chẽ về niêm luật của thi ca đương thời.

Phần “*Thơ chúc Tết*” của Bác là một nét rất Việt Nam. Rất Hồ Chí Minh. Thơ chúc Tết là một phong tục tập quán sang trọng và tao nhã đã có hàng ngàn năm của dân tộc ta. Cứ mỗi độ Xuân về, Tết đến, người Việt Nam từ già trẻ gái trai, từ người giàu, người nghèo, từ các nhà trí thức đến các bác nông phu, ai ai cũng háo hức mong đợi được người thân chúc tụng, tặng quà, tặng đôi câu đối, vài bức tranh Tết, dăm câu thơ Xuân, ấy là niềm hân hoan đón chờ những gì tốt đẹp nhất mà thiên nhiên và cuộc đời trao tặng. Thơ chúc Tết của Bác, ngoài ý nghĩa thiêng liêng kể trên, người dân Việt Nam còn đón đợi ở những bài thơ ấy những tín hiệu tinh tế của cái mới, cảm nhận được cả tinh thần trách nhiệm chung lẫn nhiệm vụ trước mắt của Cách Mạng. Thơ chúc Tết của Bác vừa có tính tổng kết thắng lợi, vừa có tính khích lệ động viên đồng bào chiến sĩ cả nước vượt qua mọi khó khăn để đi đến thành công chung của mục tiêu cách mạng là giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước.

Nhân dịp xuất bản bộ sách “*Hồ Chí Minh với văn nghệ sĩ – Văn nghệ sĩ với Hồ Chí Minh*”, Nhà xuất bản Hội Nhà Văn và nhóm biên soạn bộ sách xin ngỏ lời tri ân đối với các bậc tiền bối, các nhà túc nho cao khiết, các học giả xa gần, bằng tình cảm thiêng liêng của mình đối với vị lãnh tụ kính yêu, nhà thơ lớn Hồ Chí Minh, đã dành bao tâm huyết và tài năng dịch nghĩa và dịch thơ của Người để cho đông đảo bạn đọc các thế hệ trong cả nước và cả bạn đọc nhiều nước trên thế giới cùng thưởng ngoạn.

Chúng tôi cũng xin tỏ lòng trân trọng cảm ơn các vị cách mạng tiền bối, các nhà Hồ Chí Minh học, các bạn đồng nghiệp gần xa đã góp ý cho chúng tôi trong quá trình biên soạn và thực hiện bộ sách này.

Dù đã rất cầu thị và cố gắng, nhưng vì năng lực có hạn, không thể tránh khỏi những sai sót. Chúng tôi tha thiết mong nhận được những góp ý chân tình của quý vị để lần tái bản sau được hoàn chỉnh hơn.

Xin trân trọng cảm tạ.

NHÀ XUẤT BẢN HỘI NHÀ VĂN

LỜI TỰA

Trên báo Ogoniok (Liên Xô trước đây), số 39, ra ngày 23-12-1923, nhà thơ đồng thời là nhà báo Xô-viết nổi tiếng O.Mandenxtam trong bài “Thăm một chiến sĩ quốc tế cộng sản Nguyễn Ái Quốc” đã tiên cảm phi thường về Chủ tịch Hồ Chí Minh như sau: “Dáng dấp con người đang ngồi trước mặt tôi đây, Nguyễn Ái Quốc, cũng đang toả ra thật lịch thiệp và tế nhị. Từ Nguyễn Ái Quốc đã toả ra một thứ văn hoá, không phải văn hoá Châu Âu, mà có lẽ là một nền văn hoá tương lai”. Với dự cảm đặc biệt của một thi nhân, O.Mandenxtam phát hiện ra sự dồn tụ, kết tinh của văn hoá Việt Nam trong con người Việt Nam tiêu biểu nhất và khẳng định Bác là tinh hoa của Việt Nam và cũng là tinh hoa của nhân loại. Nhà thơ viết: “Dân An Nam là một dân tộc giản dị và lịch thiệp. Qua phong thái thanh cao, trầm ấm của Nguyễn Ái Quốc, chúng ta như thấy ngày mai, như thấy sự yên tĩnh mệnh mông của tình hữu ái toàn thế giới...”.

Gần một thế kỷ đã trôi qua, thời gian đã chứng minh linh giác đặc biệt sáng suốt của O.Mandenxtam. Đó là một phát hiện thiên tài về một thiên tài. Thời gian ấy Bác đang học tập tại Trường Đại học Phương Đông của Quốc tế Cộng sản tại Matxcova. O.Mandenxtam không viết về Bác với tư cách lãnh tụ tinh thần, người tổ chức và lãnh đạo cách mạng Việt Nam. Điều đó thế giới đã từng biết qua những hoạt động yêu nước nổi tiếng của Người ở Pháp và trong những ngày đầu đến đất nước của Lênin. Chọn tư cách là đại diện nền văn hoá tương lai, nhà thơ Nga đã nhìn thấy sự bất tử của Người, tiên đoán về những giá trị có tầm nhân loại vĩnh cửu của Bác từ khi Người mới bước sang tuổi ba mươi.

Với một nguồn mạch cảm hứng như vậy, những người đề xuất và được Ban Bí thư ủng hộ việc tổ chức thực hiện bộ sách chuyên đề

“Hồ Chí Minh với Văn nghệ sĩ - Văn nghệ sĩ với Hồ Chí Minh”
mong muốn cung cấp cho bạn đọc rộng rãi, đặc biệt là cho tất cả những ai quan tâm đến việc xây dựng con người, quan tâm đến việc xây dựng nền văn hoá dân tộc, rất Việt Nam mà cũng rất hiện đại, nguồn tư liệu phong phú, sinh động, hệ thống, đa dạng, chọn lọc từ những trước tác quan trọng nhất của Bác về văn học, nghệ thuật và của những văn nghệ sĩ hàng đầu Việt Nam và thế giới viết về Bác. Hình tượng Hồ Chí Minh với ba chủ đề: lãnh tụ thiên tài, nhà văn hoá kiệt xuất, nhà nhân văn vĩ đại được các tác giả từ góc độ văn hoá thể hiện sống động và xuyên suốt bộ sách. Chúng ta bắt gặp ở đây sự kết hợp đẹp đẽ giữa những cái cao cả và bình thường, giản dị mà thanh cao, vĩ đại mà gần gũi, rất Việt Nam mà cũng rất nhân loại. Bức tượng đài ngôn ngữ này làm nổi bật chân dung Hồ Chí Minh, một con người trong tất cả, tất cả trong một con người.

Với những phẩm chất cao quý như vậy, hiển nhiên từ lâu Bác đã là một ngọn nguồn, ngọn nguồn của suy tưởng, của bồi đắp, của dẫn dắt và soi sáng. Và đúng như Tố Hữu đã viết:

Ta bên Người, Người toả sáng trong ta
Ta bỗng lớn ở bên Người một chút.

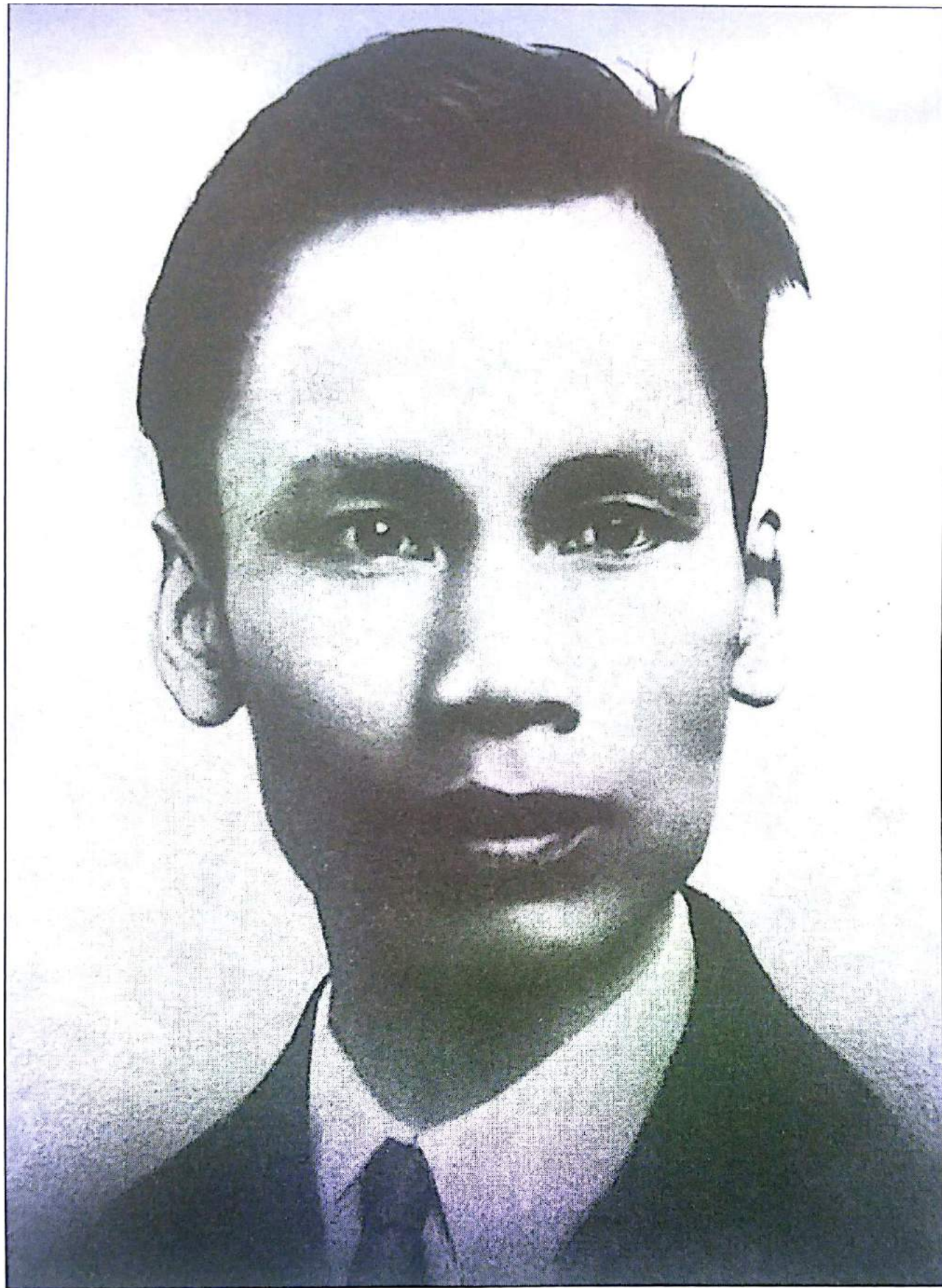
Bác vĩ đại nhưng không quá tầm với bất cứ ai.

Hôm nay và mai sau, tiếp nhận Hồ Chí Minh là tiếp nhận một sự sống không bao giờ ngơi nghỉ.

Và bây giờ, với thói quen bước vào một ngôi đền thiêng, xin chúng ta hãy lật từng trang sách với lòng chân thành nhất, để được chứng quả lời Phật dạy:

Được đi trên đường chánh
Là Phước Đức lớn nhất.

Hà Nội, 4-5-2010
Nhà thơ Hữu Thỉnh
Chủ tịch Hội Nhà văn Việt Nam



Đồng chí Nguyễn Ái Quốc năm 1924

Ảnh: Bảo tàng Hồ Chí Minh

Phần I

NHẬT KÝ TRONG TÙ¹

Viết bằng chữ Hán năm 1942 - 1943
Bản dịch của Viện Văn học.
In trong sách
Suy nghĩ mới về Nhật ký trong tù,
Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 1993.

Theo bài in trong sách:
Suy nghĩ mới về
Nhật ký trong tù.

身 体 在 狱 中
精 神 在 狱 外
欲 成 大 事 業
精 神 更 要 大

Phiên âm

*Thân thể tại ngục trung,
Tinh thần tại ngục ngoại;
Dục thành đại sự nghiệp,
Tinh thần cánh yếu đại*.*

* Trong nguyên bản, bốn câu thơ này không có đầu đề, chép ở ngoài bìa tập *Ngục trung nhật ký* cùng hình vẽ hai tay bị xiềng, có lẽ được tác giả coi như một lời đề từ cho toàn tập.

Dịch nghĩa

Thân thể ở trong ngục,
Tinh thần ở ngoài ngục;
Muốn nên sự nghiệp lớn,
Tinh thần càng phải cao.

Dịch thơ

**Thân thể ở trong lao,
Tinh thần ở ngoài lao;
Muốn nên sự nghiệp lớn,
Tinh thần càng phải cao.**

NAM TRÂN *dịch*

開 卷 (2)

老 夫 原 不 愛 吟 詩
因 爲 囚 中 無 所 爲
聊 借 吟 詩 消 永 日
且 吟 且 待 自 由 時

Phiên âm

KHAI QUYỀN

*Lão phu nguyên bất ái ngâm thi,
Nhân vị tù trung vô sở vi;
Liêu tá ngâm thi tiêu vĩnh nhật,
Thả ngâm thả đãi tự do thì.*

Dịch nghĩa

MỞ ĐẦU TẬP NHẬT KÝ

Già này vốn không thích ngâm thơ,
Nhân vì trong ngục không có gì làm;
Hãy mượn việc ngâm thơ cho qua ngày dài,
Vừa ngâm vừa đợi đến ngày tự do.

Dịch thơ

MỞ ĐẦU TẬP NHẬT KÝ

**Ngâm thơ ta vốn không ham,
Nhưng vì trong ngục biết làm chi đây;
Ngày dài ngâm ngợi cho khuây,
Vừa ngâm vừa đợi đến ngày tự do.**

NAM TRÂN *dịch*

在足榮街被扣留 (3)

足榮却使余蒙辱
故意遲延我去程
間諜嫌疑空捏造
把人名譽白犧牲

Phiên âm

TẠI TÚC VINH NHAI BỊ KHẨU LƯU

*Túc Vinh khước sử dư mông nhục,
Cố ý trì diên ngã khứ trình;
Gián điệp hiềm nghi không niết tạo,
Bả nhân danh dự bạch hy sinh.*

Dịch nghĩa

BỊ BẮT GIỮ Ở PHỐ TÚC VINH^{*}

Phố tên Thúc Vinh mà khiến ta mang nhục^{**},
Cố ý làm chậm trễ hành trình của ta;
Bày đặt ra trò tình nghi gián điệp,
Không dung làm mất danh dự của người.

^{*} *Túc Vinh*: Tên một phố ở thị trấn huyện Thiên Bảo, tỉnh Quảng Tây, Trung Quốc. Tác giả bị bắt ở đây ngày 29-8-1942.

^{**} Trong câu thơ này tác giả có dụng ý chơi chữ: lấy *mông nhục* (mang nhục) đối lập với *túc vinh* (đủ vinh) để làm tăng ý nghĩa mỉa mai hài hước của bài thơ, gián tiếp chế giễu việc bắt người vô lý của nhà cầm quyền Tưởng Giới Thạch.

Dịch thơ

BỊ BẮT GIỮ Ở PHỐ TÚC VINH

**Túc Vinh mà để ta mang nhục,
Cố ý dằng dai, chậm bước mình;
Bịa chuyện tình nghi là gián điệp,
Cho người vô cớ mất thanh danh.**

HUỆ CHI *dịch*

入靖西縣獄 (4)

獄中舊犯迎新犯
天上晴雲逐雨雲
晴雨浮雲飛去了
獄中留住自由人

Phiên âm

NHẬP TỈNH TÂY HUYỆN NGỤC

*Ngục trung cựu phạm nghênh tân phạm,
Thiên thượng tình vân trục vũ vân;
Tình, vũ, phù vân phi khứ liễu,
Ngục trung lưu trú tự do nhân.*

Dịch nghĩa

VÀO NHÀ NGỤC HUYỆN TỈNH TÂY*

Trong ngục tù cũ đón tù mới,
Trên trời mây tạnh đuổi mây mưa;
Mây tạnh, mây mưa, mây đám mây nổi bay đi hết,
Chỉ còn lại người tự do trong ngục.

Dịch thơ

VÀO NHÀ NGỤC HUYỆN TỈNH TÂY

Trong lao tù cũ đón tù mới,
Trên trời mây tạnh đuổi mây mưa;
Tạnh, mưa, mây nổi bay đi hết,
Còn lại trong tù khách tự do.

NAM TRÂN *dịch*

* *Tỉnh Tây*: Một huyện thuộc tỉnh Quảng Tây, gần biên giới Trung Việt. Tác giả bị bắt ở thị trấn Thiên Bảo, quá Tỉnh Tây mấy chục kilômét, nhưng lại bị đưa trở lại Tỉnh Tây giam giữ.

世路難 (5)

走遍高山與峻岩
那知平路更難堪
高山遇虎終無恙
平路逢人却被監

二 (6)

余原代表越南民
擬到中華見要人
無奈風波平地起
送余入獄作嘉賓

三 (7)

忠誠我本無心疚
却被嫌疑做漢奸
處世原來非易易
而今處世更難難

Phiên âm

THỀ LỘ NAN

I

*Tầu biển cao sơn dữ tuấn nham,
Na tri bình lộ cách nan kham;
Cao sơn ngộ hổ chung vô dạng,
Bình lộ phùng nhân khước bị giam.*

II

*Dư nguyên đại biểu Việt Nam dân,
Nghĩ đáo Trung Hoa kiến yếu nhân;
Vô nại phong ba bình địa khởi,
Tống dư nhập ngục tác gia tân.*

III

*Trung thành, ngã bản vô tâm cứu,
Khước bị hiềm nghi tố Hán gian;
Xử thế nguyên lai phi dị dị,
Nhi kim xử thế cách nan nan!*

Dịch nghĩa

ĐƯỜNG ĐỜI HIỂM TRỞ

I

Đi khắp non cao và núi hiểm,
Nào ngờ đường phẳng lại khó qua;
Núi cao gặp hổ rút cục vẫn không việc gì,
Đường phẳng gặp người lại bị bắt!

II

Ta vốn là đại biểu của dân Việt Nam,
Định đến Trung Hoa gặp nhân vật trọng yếu;
Không dung đất bằng nổi sóng gió,
Đưa ta vào làm "khách quý" trong tù.

III

Vốn trung thực thành thật, ta không có điều gì thẹn với lòng,
Thế mà bị tình nghi là Hán gian;
Việc xử thế vốn không phải là dễ,
Lúc này, xử thế càng khó khăn hơn.

Dịch thơ

ĐƯỜNG ĐỜI HIỂM TRỞ

I

Đi khắp đèo cao, khắp núi cao,
Ngờ đâu đường phẳng lại lao đao!
Núi cao gặp hồ mà vô sự,
Đường phẳng gặp người bị tổng lao.

II

Ta là đại biểu dân Việt Nam,
Tìm đến Trung Hoa để hội đàm;
Ai ngỡ đất bằng gây sóng gió,
Phải làm "khách quý" tại nhà giam!

III

Ta người ngay thẳng, lòng trong trắng,
Lại bị tình nghi là Hán gian;
Xử thế từ xưa không phải dễ,
Mà nay, xử thế khó khăn hơn.

NAM TRẦN dịch

早 (8)

上開暗來
牆未黑前
從門還面
早門時已
每籠現却
陽著裡明
太照籠光

二 (9)

虱開飽來
獵餐個泰
爭早一必
人了吃時
人響且之
起鐘君極
早八勸否

Phiên âm

TẢO

I

*Thái dương mỗi tảo tòng tường thượng,
Chiếu trước lung môn, môn vị khai;
Lung lý hiện thời hoàn hắc ám,
Quang minh khước dĩ diện tiền lai.*

II

*Tảo khởi nhân nhân tranh liệt sắt,
Bát chung hưởng liễu, tảo xan khai;
Khuyến quân thả ngật nhất cá bão,
Bĩ cực chi thì tất thái lai.*

Dịch nghĩa

BUỔI SỚM

I

Mỗi sớm, mặt trời vượt lên khỏi đầu tường,
Chiếu tới cửa nhà lao, cửa chưa mở;
Giờ đây trong lao còn đen tối,
Nhưng ánh sáng đã bừng lên phía trước mặt.

II

Sớm dậy, mọi người đua nhau bắt rận,
Chuông điểm tám giờ, bữa cơm sáng bắt đầu;
Khuyên anh hãy cứ ăn no,
Khổ đến tột cùng, vui ắt tới.

Dịch thơ

BUỔI SỚM

I

**Đầu tường sớm sớm vằng dương mọc,
Chiếu cửa nhà lao, cửa vãn cài;
Trong ngục giờ đây còn tối mịt,
Ánh hồng trước mặt đã bùng soi.**

NAM TRÂN *dịch*

II

**Sớm dậy, người người đua bắt rận,
Tám giờ chuông điểm, bữa ban mai;
Khuyên anh hãy gắng ăn no bụng,
Bĩ cực rồi ra ắt thái lai.**

NAM TRÂN - XUÂN THUYẾT *dịch*

午 (10)

獄 中 午 睡 真 舒 服
一 睡 昏 昏 幾 句 鐘
夢 見 乘 龍 天 上 去
醒 時 才 覺 臥 籠 中

Phiên âm

NGỌ

*Ngục trung ngộ thụy chân thư phục,
Nhất thụy hôn hôn kỷ cú chung;
Mộng kiến thừa long thiên thượng khứ,
Tỉnh thì tài giác ngộ lung trung.*

Dịch nghĩa

BUỔI TRƯA

Trong nhà lao, giấc ngủ trưa thật khoan khoái,
Một giấc say sưa suốt mấy tiếng liền;
Mơ thấy cười rồing bay lên trời,
Khi tỉnh dậy, mới biết mình vẫn nằm trong ngục.

Dịch thơ

BUỔI TRƯA

**Trong tù khoan khoái giấc ban trưa,
Một giấc miên man suốt mấy giờ;
Mơ thấy cười rồing lên thượng giới,
Tỉnh ra trong ngục vẫn nằm trơ.**

NAM TRÂN *dịch*

問話(11)

極人罪民假真善狠罪懃間神
兩犯有良說言本狠於懃之理
的與你我你我性惡人意極公
社會官曰曰我官裝入假兩著
社法官犯官犯法假要却這立

Phiên âm

VĂN THOẠI

*Xã hội đích lương cực,
Pháp quan dữ phạm nhân;
Quan viết: nhĩ hữu tội,
Phạm viết: ngã lương dân;
Quan viết: nhĩ thuyết giả,
Phạm viết: ngã ngôn chân;
Pháp quan tính bản thiện,
Giả trang ác ngân ngân;
Yếu nhập nhân ư tội,
Khước giả ý ân cần;
Giá lương cực chi gian,
Lập trước công lý thần.*

Dịch nghĩa

LỜI HỎI

Hai cực của xã hội,
Quan tòa và phạm nhân;
Quan bảo: anh có tội,
Phạm nhân thưa: tôi dân lành;
Quan bảo: anh nói dối,
Phạm nhân thưa: tôi nói thật;
Quan tòa tính vốn thiện,
Lại hằm hằm giả làm bộ ác;
Muốn khép người vào tội,
Lại ra vẻ ân cần;
Giữa hai cực này,
Có thần công lý đứng.

Dịch thơ

LỜI HỎI

Hai cực trong xã hội,
Quan tòa và phạm nhân;
Quan tòa: anh có tội,
Phạm thưa: tôi lương dân;
Quan rằng: anh nói dối,
Phạm thưa: thực trăm phần;
Quan tòa tính vốn thiện,
Vờ làm bộ dữ dần;
Muốn khép người vào tội,
Lại ra vẻ ân cần;
Ở giữa hai cực đó,
Công lý đứng làm thần.

HUỆ CHI - NGUYỄN SĨ LÂM *dịch*



Đồng chí Nguyễn Ái Quốc thời kỳ hoạt động
ở Liên Xô năm 1935

Ảnh: Bảo tàng Hồ Chí Minh

午後 (12)

二 點 開 籠 換 空 氣
人 人 仰 看 自 由 天
自 由 天 上 神 仙 客
知 否 籠 中 也 有 仙

Phiên âm

NGỌ HẬU

*Nhị điểm khai lung hoán không khí,
Nhân nhân ngưỡng khán tự do thiên;
Tự do thiên thượng thần tiên khách,
Tri phủ lung trung dã hữu tiên?*

Dịch nghĩa

QUÁ TRƯA

Hai giờ chiều, nhà lao mở cửa đôi không khí,
Mọi người ngẩng lên ngắm trời tự do;
Khách thần tiên trên trời tự do,
Biết chẳng trong tù cũng có tiên?

Dịch thơ

QUÁ TRƯA

Hai giờ ngục mở thông hơi,
Tù nhân ngẩng mặt ngắm trời tự do;
Tự do tiên khách trên trời,
Biết chẳng trong ngục có người khách tiên?

NAM TRẦN *dịch*

Bản dịch khác:

Hai giờ ngục mở thay không khí,
Ai nấy nhìn lên: trời tự do!
Tiên khách tự do trên thượng giới,
Biết chẳng, tiên cũng ở trong tù?

VŨ HUY ĐỘNG *dịch*

晚 (13)

晚 餐 吃 了 日 西 沉
處 處 山 歌 與 樂 音
幽 暗 靖 西 禁 閉 室
忽 成 美 術 小 翰 林

Phiên âm

VĂN

*Văn xan ngật liễu, nhật tây trầm,
Xứ xứ sơn ca dĩ nhạc âm;
U ám Tĩnh Tây cấm bế thất,
Hốt thành mỹ thuật tiểu hàn lâm.*

Dịch nghĩa

CHIỀU HÔM

Cơm chiều xong, mặt trời lặn về tây,
Khắp nơi, rộn tiếng ca dân dã và tiếng nhạc;
Nhà ngục u ám huyện Tĩnh Tây,
Bỗng thành một viện hàn lâm nghệ thuật nhỏ.

Dịch thơ

CHIỀU HÔM

Cơm xong, bóng đã xuống trầm trầm,
Vang tiếng đàn ca, rộn tiếng ngâm;
Nhà ngục Tĩnh Tây mờ mịt tối,
Bỗng thành nhạc quán viện hàn lâm.

NAM TRÂN *dịch*

囚糧 (14)

每餐一碗紅米飯
無鹽無菜又無湯
有人送飯吃得飽
沒人送飯喊爺娘

Phiên âm

TÙ LƯƠNG

*Mỗi xan nhất uyển hồng mễ phạn,
Vô diêm, vô thái, hựu vô thang;
Hữu nhân tống phạn, ngật đắc bão,
Một nhân tống phạn, hám gia nương.*

Dịch nghĩa

CƠM TÙ

Mỗi bữa một bát cơm gạo đỏ,
Không muối, không rau cũng chẳng canh;
Có người đem cơm, được ăn no,
Không người đem cơm, đói kêu cha kêu mẹ.

Dịch thơ

CƠM TÙ

**Không rau, không muối, canh không có,
Mỗi bữa lưng cơm đỏ gọi là;
Có kẻ đem cơm còn chắc dạ,
Không người lo bữa đói kêu cha.**

NAM TRÂN - BĂNG THANH *dịch*

難有吹笛 (15)

獄中忽聽思鄉曲
聲轉淒涼調轉愁
千里關河無限感
聞人更上一層樓

Phiên âm

NẠN HỮU XUY ĐỊCH

*Ngục trung hốt thính tư hương khúc,
Thanh chuyển thê lương điệu chuyển sầu;
Thiên lý quan hà vô hạn cảm,
Khuê nhân cánh thương nhất tầng lâu.*

Dịch nghĩa

NGƯỜI BẠN TÙ THỜI SÁO

Trong tù bỗng nghe khúc nhạc nhớ quê hương,
Âm thanh trở nên thê lương, tình điệu trở nên sầu muộn;
Nước non xa cách nghìn trùng, cảm thương vô hạn,
Người chốn phòng khuê lại bước lên một tầng lầu.

Dịch thơ

NGƯỜI BẠN TÙ THỜI SÁO

**Bỗng nghe trong ngục sáo vi vu,
Khúc nhạc tình quê chuyển điệu sầu;
Muôn dặm quan hà, khôn xiết nỗi,
Lên lầu ai đó ngóng trông nhau.**

NAM TRẦN *dịch*

腳閘 (16)

爭 嚙 餓 口 似 凶 神
晚 晚 張 開 把 腳 吞
各 人 被 吞 了 右 腳
只 剩 左 腳 能 屈 伸

二 (17)

世 間 更 有 離 奇 事
人 們 爭 先 上 腳 鉗
因 爲 有 鉗 才 得 睡
無 鉗 沒 處 可 安 眠

Phiên âm

CƯỚC ÁP

I

*Tranh ninh ngã khẩu tự hung thân,
Vãn vãn trương khai bả cước thôn;
Các nhân bị thôn liễu hữu cước,
Chỉ thặng tả cước năng khuất thân.*

II

*Thế gian cánh hữu ly kỳ sự,
Nhân mẫn tranh tiên thượng cước kiềm;
Nhân vị hữu kiềm tài đắc thụ,
Vô kiềm một xứ khả an miên.*

Dịch nghĩa

CÁI CÙM

I

Miệng đói dữ tợn như một hung thần,
Đêm đêm há hốc nuốt chân người;
Người nào cũng bị nuốt chân phải,
Chỉ còn chân trái co duỗi được thôi.

II

Trên đời lại có chuyện thật là kỳ,
Mọi người tranh nhau đến trước để cùm chân;
Vì có cùm chân mới được ngủ,
Không cùm chân thì không chỗ ngủ yên.

Dịch thơ

CÁI CÙM

I

Dữ tựa hung thần miệng chực nhai,
Đêm đêm há hốc nuốt chân người;
Mọi người bị nuốt chân bên phải,
Co duỗi còn chân bên trái thôi.

II

Nghĩ việc trên đời kỳ lạ thật,
Cùm chân sau trước cũng tranh nhau;
Được cùm chân mới yên bề ngủ,
Không được cùm chân biết ngủ đâu?

NAM TRÂN *dịch*

學奕棋(18)

閉坐無聊學奕棋
千兵萬馬共驅馳
進攻退守應神速
高才疾足先得之

二(19)

眼光應大心應細
堅決時時要進攻
錯路雙車也沒用
逢時一卒可成功

三(20)

雙方勢力本平均
勝利終須屬一人
攻守運籌無陋算
才稱英勇大將軍

Phiên âm

HỌC DỊCH KỲ

I

*Bể tọa vô lưu học dịch kỳ,
Thiên binh vạn mã cộng khu trì;
Tấn công thoái thủ ứng thần tốc,
Cao tài tất túc tiên đắc chi.*

II

*Nhãn quang ứng đại tâm ứng tế,
Kiên quyết thì thì yếu tấn công;
Thác lộ, song xa dã một dụng,
Phùng thời, nhất tốt khả thành công.*

III

*Song phương thế lực bản bình quân,
Thắng lợi chung tu thuộc nhất nhân;
Công thủ vạn trù vô lậu toán,
Tài xưng anh dũng đại tướng quân.*

Dịch nghĩa

HỌC ĐÁNH CỜ

I

Ngồi trong giam cầm buồn tênh, học đánh cờ,
Nghìn quân muôn ngựa cùng rong ruổi;
Tấn công, lui giữ đều phải thần tốc,
Tài cao, chân nhanh mới được nước trước.

II

Tầm nhìn phải rộng, suy nghĩ phải sâu,
Phải kiên quyết, luôn luôn tấn công;
Lạc nước, hai xe cũng thành vô dụng,
Gặp thời, một tốt có thể thành công.

III

Thế lực hai bên vốn ngang nhau,
Kết cục thắng lợi thuộc về một người;
Tính kế đánh hay giữ không sơ hở,
Mới xứng là bậc đại tướng anh dũng.

Dịch thơ

HỌC ĐÁNH CỜ

I

**Tù túng đem cờ học đánh chơi,
Thiên binh vạn mã đuổi nhau hoài;
Tấn công, thoái thủ nên thần tốc,
Chân lẹ, tài cao ắt thắng người.**

II

**Phải nhìn cho rộng, suy cho kỹ,
Kiên quyết, không ngừng thế tấn công;
Lạc nước, hai xe đành bỏ phí,
Gặp thời, một tốt cũng thành công.**

III

**Vốn trước hai bên ngang thế lực,
Mà sau thắng lợi một bên giành;
Tấn công, phòng thủ không sơ hở,
Đại tướng anh hùng mới xứng danh.**

VĂN TRỰC - VĂN PHỤNG *dịch*

望月 (21)

獄中無酒亦無花
對此良宵奈若何
人向窗前看明月
月從窗隙看詩家

Phiên âm

VỌNG NGUYỆT

*Ngục trung vô tửu diệc vô hoa,
Đối thử lương tiêu nại nhược hà?
Nhân hướng song tiền khán minh nguyệt,
Nguyệt tòng song khích khán thi gia.*

Dịch nghĩa

NGẮM TRĂNG

Trong tù không rượu cũng không hoa,
Trước cảnh đẹp đêm nay biết làm thế nào?
Người hướng ra trước song ngắm trăng sáng,
Từ ngoài khe cửa, trăng ngắm nhà thơ.

Dịch thơ

NGẮM TRĂNG

**Trong tù không rượu cũng không hoa,
Cảnh đẹp đêm nay khó hững hờ;
Người ngắm trăng soi ngoài cửa sổ,
Trăng nhòm khe cửa ngắm nhà thơ.**

NAM TRÂN *dịch*

分水 (22)

每 人 分 得 水 半 盆
洗 面 烹 茶 各 隨 便
誰 要 洗 面 勿 烹 茶
誰 要 烹 茶 勿 洗 面

Phiên âm

PHÂN THỦY

*Mỗi nhân phân đắc thủy bán bồn,
Tẩy diện, phan trà các tùy tiện;
Thùy yếu tẩy diện, vật phan trà,
Thùy yếu phan trà, vật tẩy diện.*

Dịch nghĩa

CHIA NƯỚC

Mỗi người được chia nửa chậu nước,
Rửa mặt hoặc đun trà, tùy ý mình;
Ai muốn rửa mặt, đừng đun trà,
Ai muốn đun trà, thôi rửa mặt.

Dịch thơ

CHIA NƯỚC

Mỗi người phần nước vừa lưng chậu,
Rửa mặt đun trà tự ý ta;
Ai muốn đun trà, đừng rửa mặt,
Ai cần rửa mặt, chớ đun trà.

NAM TRÂN - TRẦN ĐẮC THỌ dịch

中秋 (23)

中秋秋月圓如鏡
照耀人間白似銀
家裡團圓吃秋節
不忘獄裡吃愁人

二 (24)

獄中人也賞中秋
秋月秋風帶點愁
不得自由賞秋月
心隨秋月共悠悠

Phiên âm

TRUNG THU

I

*Trung thu thu nguyệt viên như kính,
Chiếu diện nhân gian bạch tỵ ngân;
Gia lý đoàn viên ngật thu tiết,
Bất vong ngục lý ngật sâu nhân.*

II

*Ngục trung nhân dã thưởng trùng thu,
Thu nguyệt thu phong đới điểm sâu;
Bất đắc tự do thưởng thu nguyệt,
Tâm tùy thu nguyệt cộng du du!*

Dịch nghĩa

TRUNG THU

I

Trăng trung thu tròn như gương,
Chiếu rọi cõi đời, ánh trắng trắng như bạc;
Nhà ai sum họp ăn Tết Trung thu,
Chẳng quên người trong ngục nuốt sầu.

II

Người trong ngục cũng thương thức trung thu,
Trăng thu, gió thu đều vương sầu;
Không được tự do ngắm trăng thu,
Lòng theo cùng trăng thu vời vợi.

Dịch thơ

TRUNG THU

I

Trung thu vành vạnh mảnh gương thu,
Sáng khắp nhân gian bạc một màu;
Sum họp nhà ai ăn Tết đó,
Chẳng quên trong ngục kẻ ăn sầu.

II

Trung thu ta cũng Tết trong tù,
Trăng gió đêm thu gợn vẻ sầu;
Chẳng được tự do mà thưởng nguyệt,
Lòng theo vời vợi mảnh trăng thu.

NAM TRÂN *dịch*

賭 (25)

民 間 賭 博 被 官 拉
獄 裡 賭 博 可 公 開
被 拉 賭 犯 常 嗟 悔
何 不 先 到 這 裡 來

Phiên âm

ĐỒ

*Dân gian đồ bạc bị quan lập,
Ngục lý đồ bạc khả công khai;
Bị lập đồ phạm thường ta hối:
Hà bất tiên đáo giá lý lai!?*

Dịch nghĩa

ĐÁNH BẠC

Ngoài dân đánh bạc thì bị quan bắt,
Trong tù đánh bạc có thể công khai;
Con bạc bị tù thường hối tiếc:
Sao không sớm vào quách chốn này!?

Dịch thơ

ĐÁNH BẠC

**Đánh bạc ở ngoài quan bắt tội,
Trong tù đánh bạc được công khai;
Bị tù, con bạc ăn năn mãi:
Sao trước không vô quách chốn này!?**

NAM TRÂN dịch

賭犯 (26)

公家不給賭犯飯
欲令他們悔前非
硬犯餽饌天天有
窮犯饑延共淚垂

Phiên âm

ĐỒ PHẠM

*Công gia bắt cấp đồ phạm phạm,
Dục linh tha mẫn hối tiền phi;
"Ngạch" phạm hào soạn thiên thiên hữu,
Cùng phạm cơ diện cộng lệ thùy.*

Dịch nghĩa

TÙ CỜ BẠC

Nhà nước không phát cơm cho tù cờ bạc,
Muốn cho họ hối cải lỗi trước;
Nhưng bọn tù sùng sỏ ngày nào cũng có cơm thịt,
Còn tù nghèo, đói chầy dãi cùng với nước mắt.

Dịch thơ

TÙ CỜ BẠC

**Quan không cấp bữa cho tù bạc,
Để họ mau chừa tội cũ hơn;
Tù "cứng" ngày ngày no rượu thịt,
Tù nghèo, dãi với lệ cùng tuôn.**

NAM TRÂN - HUỆ CHI *dịch*

難友莫某(27)

富家子弟貧家教
賭膽如天膽似針
車大炮才真偉大
在囚仍想吃人參

Phiên âm

NẠN HỮU MẠC MỠ

*Phú gia tử đệ, bần gia giáo,
Đồ đảm như thiên, đảm tợ châm;
"Xa đại pháo tài", chân vĩ đại,
Tại tù nhưng tưởng ngật nhân sâm.*

Dịch nghĩa

BẠN TÙ HỌ MẠC

Con cái nhà giàu mà nghèo giáo dục
Gan đánh bạc to như trời mà mật thì nhỏ như cái kim;
Cái tài huênh hoang khoác lác* thật là vĩ đại,
Ở tù nhưng vẫn tơ tưởng ăn nhân sâm.

* Nguyên văn *Xa đại pháo tài*: một thành ngữ ở vùng Quảng Đông có nghĩa như "một tác đến trời".

Dịch thơ

BẠN TÙ HỌ MẠC

**Con nhà giàu có, nghèo gia giáo,
Đánh bạc gan trời, mật tựa kim;
"Một tác lên mây", ghê gớm thật,
Ngồi tù mà vẫn ước nhân sâm.**

NAM TRÂN *dịch*

Bản dịch khác:

**Con nhà giàu, giáo dục nghèo,
To "gan đánh bạc" bé teo "gan người";
Ba hoa khoác lác thật tài,
Ở tù mà lại cứ đòi ăn sâm**

KHƯƠNG HỮU DỤNG *dịch*

難友原主任L(28)

國 家 重 托 鎮 邊 陲
胡 乃 忘 公 只 顧 私
錫 礦 常 從 邊 界 去
金 錢 爐 裡 鑄 囚 詩

Phiên âm

NẠN HỮU NGUYÊN CHỦ NHIỆM L.

*Quốc gia trọng thác trấn biên thùy,
Hô nãi vong công chỉ cố tì (tư)?
Thế khoáng thường tòng biên giới khứ,
Kim tiền lô lý chú tù thi.*

Dịch nghĩa

BẠN TÙ L. NGUYỄN LÀ CHỦ NHIỆM

Nhà nước giao cho trọng trách coi giữ biên thù,
Sao lại quên việc công, chỉ lo việc tư?
Quặng "ăngtimoan" thường tuần qua biên giới,
Bởi thế, lò đúc tiền mới đúc ra bài thơ tù.

Dịch thơ

BẠN TÙ L. NGUYỄN LÀ CHỦ NHIỆM

Quốc gia phó thác giữ biên khu,
Sao nhãng việc công, mãi việc tư?
Quặng thiếc tuần qua biên giới sạch,
Nên lò đúc bạc... đúc thơ tù.

NAM TRÂN - HUỆ CHI dịch

雙十日解往天保(29)

家 家 結 綵 與 張 燈
國 慶 歡 聲 舉 國 騰
我 却 今 天 被 綁 解
逆 風 有 意 阻 飛 鵬

Phiên âm

SONG THẬP NHẬT GIẢI VÃNG THIÊN BẢO

*Gia gia kết thái dĩ trương đăng,
Quốc khánh hoan thanh cử quốc đằng;
Ngã khước kim thiên bị bang giải,
Nghịch phong hữu ý trở phi bằng.*

Dịch nghĩa

TẾT SONG THẬP^{*} BỊ GIẢI ĐI THIÊN BẢO^{**}

Nhà nào nhà ấy kết hoa và treo đèn,
Cả nước reo vui, mừng ngày quốc khánh;
Thế mà hôm nay ta bị trời giải đi,
Ngọn gió ngược cổ ý cản đôi cánh chim bằng.

Dịch thơ

TẾT SONG THẬP BỊ GIẢI ĐI THIÊN BẢO

Nhà nhà hoa kết với đèn giăng,
Quốc khánh reo vui cả nước mừng;
Lại đúng hôm nay ta bị giải,
Oái oăm gió cản cánh chim bằng.

NAM TRÂN dịch

^{*} *Song thập*: Tức ngày 10-10, Quốc khánh nước Trung Hoa Dân quốc trước đây.

^{**} Tác giả vốn bị bắt ở thị trấn Thiên Bảo, sau đó, bị đưa trở lại giam ở Tĩnh Tây, nay lại bị giải đến Thiên Bảo.

走路 (30)

走路才知走路難
重山之外又重山
重山登到高峰後
萬里興圖顧盼間

Phiên âm

TẦU LỘ

*Tầu lộ tài tri tàu lộ nan,
Trùng san chi ngoại hựu trùng san;
Trùng san đặng đèo cao phong hậu,
Vạn lý dư đồ cố miện gian.*

Dịch nghĩa

ĐI ĐƯỜNG

Có đi đường mới biết đường đi khó,
Hết lớp núi này lại tiếp đến lớp núi khác;
Khi đã vượt các lớp núi lên đến đỉnh cao chót vót,
Thì muôn dặm nước non thu cả vào tầm mắt.

Dịch thơ

ĐI ĐƯỜNG

**Đi đường mới biết gian lao,
Núi cao rồi lại núi cao trập trùng;
Núi cao lên đến tận cùng,
Thu vào tầm mắt muôn trùng nước non.**

NAM TRÂN *dịch*

暮 (31)

倦鳥歸林尋宿樹
孤雲慢慢渡天空
山村少女磨包粟
包粟磨完爐已紅

Phiên âm

MỘ

*Quyện điểu quy lâm tầm túc thụ,
Cô vân mạn mạn độ thiên không;
Sơn thôn thiếu nữ ma bao túc,
Bao túc ma hoàn, lô dĩ hồng.*

Dịch nghĩa

CHIỀU TỐI

Chim mỏi về rừng tìm cây ngủ,
Chòm mây lẻ trôi lững lờ trên tầng không;
Thiếu nữ xóm núi xay ngô,
Ngô xay vừa xong, lò than đã đỏ.

Dịch thơ

CHIỀU TỐI

**Chim mỏi về rừng tìm chốn ngủ,
Chòm mây trôi nhẹ giữa tầng không;
Cô em xóm núi xay ngô tối,
Xay hết, lò than đã rực hồng.**

NAM TRÂN *dịch*

夜宿龍泉(32)

白 天 雙 馬 不 停 蹄
夜 晚 嘗 嘗 五 味 雞
虱 冷 乘 機 來 夾 擊
隔 鄰 欣 聽 曉 鶯 啼

Phiên âm

DẠ TÚC LONG TUYỀN

*Bạch thiên "song mã" bất đình đề,
Dạ vãn thường thường "ngũ vị kê";
Sắt lãnh thừa cơ lai giáp kích,
Cách lân hân thính hiếu oanh đề.*

Dịch nghĩa

ĐÊM NGỦ Ở LONG TUYỀN*

Suốt ngày "đôi ngựa"** không ngừng vó,
Đêm đến, lại từng nếm món "gà năm vị"***;
Rệp và rét thừa cơ xông vào tập kích,
Mừng nghe xóm bên, chim oanh hót báo sáng.

Dịch thơ

ĐÊM NGỦ Ở LONG TUYỀN

**"Đôi ngựa" ngày đi chẳng nghỉ chân,
Món "gà năm vị", tối thường ăn;
Thừa cơ rét, rệp xông vào đánh,
Oanh sớm, mừng nghe hót xóm gần.**

NAM TRÂN - HUỆ CHI dịch

* *Long Tuyền*: Tên huyện, thuộc tỉnh Quảng Tây, một địa điểm giữa Thiên Bảo và Diên Đông.

** *Đôi ngựa* (song mã): xe có hai ngựa kéo mà người quyền quý xưa kia thường dùng; chữ "đôi ngựa" ở đây dùng với ý hài hước để chỉ đôi chân tác giả.

*** *Gà năm vị* (ngũ vị kê): Món ăn sang, ở đây dùng với ý hài hước chỉ đôi chân bị xiềng chéo, giống như ở hiệu ăn thường treo chân gà để nấu món "gà năm vị".

田東 (33)

每餐一碗公家粥
肚子時時在嘆吁
白飯三元不夠飽
薪如桂也米如珠

Phiên âm

ĐIỀN ĐÔNG

*Mỗi xan nhất uýn công gia chúc,
Đỗ tử thì thì tại thán hu;
Bạch phạn tam nguyên bất câu bão,
Tân như quế dã mễ như châu.*

Dịch nghĩa

ĐIỀN ĐÔNG*

Mỗi bữa được một bát cháo của nhà nước,
Cái bụng luôn luôn than phiền;
Cơm không ba đồng chẳng đủ no,
Củ đất như quế, gạo như châu.

Dịch thơ

ĐIỀN ĐÔNG

Cháo tù mỗi bữa chia lưng bát,
Cái bụng luôn luôn rên rỉ sầu;
Cơm nhạt ba đồng ăn chẳng đủ,
Củ thì như quế, gạo như châu.

NAM TRÂN
HOÀNG TRUNG THÔNG *dịch*

* *Điền Đông*: Một địa điểm trên đường bộ từ Tỉnh Tây đi Nam Ninh.

初到天保獄(34)

日行五十三公里
濕盡衣冠破盡鞋
徹夜又無安睡處
廁坑上坐待朝來

Phiên âm

SƠN ĐÁO THIÊN BẢO NGỤC

*Nhật hành ngũ thập tam công lý,
Thất tận y quan, phá tận hài;
Triệt dạ hựu vô an thụ xứ,
Xí khanh thượng tọa đãi triều lai.*

Dịch nghĩa

MỚI ĐẾN NHÀ LAO THIÊN BẢO^{*}

Ngày đi năm mươi ba cây số;
Uớt hết mũ áo, rách hết giày;
Suốt đêm lại không có chỗ ngủ yên,
Ngồi trên hố xí đợi trời sáng.

Dịch thơ

MỚI ĐẾN NHÀ LAO THIÊN BẢO

Ngày cuốc năm mươi ba cột số,
Uớt đầm mũ áo, rách bươm giày;
Thâu đêm lại chẳng nơi yên giấc,
Ngồi trần cầu tiêu, đợi sáng ngày.

KHƯƠNG HỮU DUNG - NGUYỄN SĨ LÂM dịch

* Không hiểu sao bài thơ này lại xếp sau bài *Điện Đông*, có lẽ là hồi ức về quãng đường đi từ Tỉnh Tây đến Thiên Bảo.

難友之妻探監(35)

君 在 設 窗 裡
妾 在 設 窗 前
相 近 在 咫 尺
相 隔 似 天 淵
口 不 能 說 的
只 賴 眼 傳 言
未 言 淚 已 滿
情 景 真 可 憐

Phiên âm

NẠN HỮU CHI THÊ THÁM GIAM

*Quân tại thiết song lý,
Thiếp tại thiết song tiên;
Tương cận tại chỉ xích,
Tương cách tự thiên uyên;
Khẩu bất năng thuyết đích,
Chỉ lại nhãn truyền nghiên (ngôn);
Vị ngôn lệ dĩ mãn,
Tình cảnh chân khả liên!*

Dịch nghĩa

VỢ NGƯỜI BẠN TÙ ĐẾN NHÀ LAO THĂM CHỒNG

Chàng ở trong song sắt,
Thiếp ở ngoài song sắt;
Gần nhau chỉ tắc gang
Mà cách nhau trời vực;
Miệng không thốt lên lời,
Chuyển lời nhờ khéo mắt;
Chưa nói nước mắt tràn,
Tình cảnh thật đáng thương!

Dịch thơ

VỢ NGƯỜI BẠN TÙ ĐẾN NHÀ LAO THĂM CHỒNG

**Anh ở trong song sắt
Em ở ngoài song sắt;
Gần nhau chỉ tắc gang,
Mà cách nhau trời vực;
Miệng chẳng nói nên lời,
Chỉ còn nhờ khước mắt;
Chưa nói, lệ tuôn tràn,
Cảnh tình đáng thương thật!**

NAM TRÂN - HOÀNG TRUNG THÔNG *dịch*

各報：歡迎威基大會 (36)

同 是 中 國 友
同 是 要 赴 渝
君 爲 坐 上 客
我 爲 階 下 囚
同 是 代 表 也
待 遇 胡 懸 殊
人 情 分 冷 熱
自 古 水 東 流

Phiên âm

CÁC BÁO:
HOAN NGHÊNH UY KI ĐẠI HỘI

*Đồng thị Trung Quốc hữu,
Đồng thị yếu phó Du;
Quân vi tọa thượng khách,
Ngã vi giai hạ tù;
Đồng thị đại biểu dã,
Đãi ngộ hồ huyền thù?
Nhân tình phân lãnh nhiệt,
Tự cổ thủy đông lưu!*

Dịch nghĩa

CÁC BÁO ĐĂNG TIN: HỘI HỢP LỚN HOAN NGHÊNH UY KI*

Cùng là bạn Trung Hoa,
Cùng phải đi Trùng Khánh**;
Anh là khách ngồi trên;
Tôi là tù dưới thêm;
Cùng là đại biểu cả,
Đôi đũa sao quá khác biệt?
Thối đời thường phân âm lạnh,
Từ xưa nước vẫn chảy về đông!

* *Uy Ki*: Tức Wendell Willkie, đại biểu Mỹ trong phe Đồng minh chống phát xít, đi thăm Trùng Khánh. Lúc ông đi qua Đệ tứ chiến khu Quảng Tây, nhà đương cục tổ chức hội họp chiêu đãi. Bấy giờ tác giả là đại biểu của Việt Nam độc lập đồng minh, cũng là đồng minh của Trung Quốc chống Nhật. Nhưng giới cầm quyền ở Trùng Khánh lại bắt giam Người.

** *Trùng Khánh*: Còn có tên là Du, một phủ thuộc tỉnh Tứ Xuyên, nơi Chính phủ Trung Hoa Dân quốc đóng thời chống Nhật.

Dịch thơ

CÁC BÁO ĐĂNG TIN: HỘI HỢP LỚN HOAN NGHÊNH UY KI

Cũng là đi Trùng Khánh,
Cũng là bạn Trung Hoa;
Anh, làm khách trên sảnh,
Tôi, thân tù dưới nhà;
Cùng là đại biểu cả,
Khinh trọng sao khác xa?
Thối thường chia ấm lạnh,
Về đông nước chảy mà!

NAM TRÂN *dịch*

自勉 (37)

沒有冬寒憔悴景
將無春暖的輝煌
災殃把我來鍛煉
使我精神更緊張

Phiên âm

TỰ MIỄN

*Một hữu đông tàn tiêu tụy cảnh,
Tương vô xuân noãn đích huy hoàng;
Tai ương bả ngã lai đoàn luyện,
Sử ngã tinh thần cánh khẩn trương.*

Dịch nghĩa

TỰ KHUYÊN MÌNH

Không có cảnh mùa đông tiêu điều rét mướt,
Sẽ không có mùa xuân ấm áp huy hoàng;
Tai ương rèn luyện ta,
Khiến cho tinh thần ta càng thêm hăng hái.

Dịch thơ

TỰ KHUYÊN MÌNH

Ví không có cảnh đông tàn,
Thì đâu có cảnh huy hoàng ngày xuân;
Nghĩ mình trong bước gian truân,
Tai ương rèn luyện tinh thần thêm hăng.

NAM TRÂN dịch

野景 (38)

我 來 之 時 禾 尚 青
現 在 秋 收 半 已 成
處 處 農 民 顏 帶 笑
田 間 充 滿 唱 歌 聲

Phiên âm

DÃ CẢNH

*Ngã lai chi thì hòa thượng thanh,
Hiện tại thu thu bán di thành;
Xứ xứ nông dân nhan đới tiếu,
Điền gian sung mãn xướng ca thanh.*

Dịch nghĩa

CẢNH ĐỒNG NỘI

Lúc ta đến lúa còn xanh,
Nay vụ gặt đã xong một nửa;
Nơi nơi nông dân mặt mày hớn hở,
Ruộng đồng tràn đầy tiếng ca hát.

Dịch thơ

CẢNH ĐỒNG NỘI

Tối đây khi lúa còn con gái,
Gặt hái hôm nay quá nửa rồi;
Khắp chốn nông dân cười hớn hở,
Đồng quê vang dậy tiếng ca vui.

NAM TRÂN *dịch*

Bản dịch khác:

Khi ta mới đến còn xanh lúa,
Vụ gặt bây giờ nửa đã xong;
Khắp chốn nông dân cười hớn hở,
Câu ca tiếng hát rộn trên đồng.

NGUYỄN SĨ LÂM *dịch*

粥攤 (39)

路旁樹影涼陰下
一椽茅蘆是酒樓
冷粥白鹽供食譜
行人過此暫停留

Phiên âm

CHÚC THÂN

*Lộ bàng thụ ảnh lương âm hạ,
Nhất duyên mao lư thị "tửu lâu";
Lãnh chúc, bạch diêm cung thực phổ,
Hành nhân quá thử tạm đình lưu.*

Dịch nghĩa

HÀNG CHÁO

Dưới bóng cây râm mát bên đường,
Một túp lều tranh: ấy là "tiệm rượu";
Cháo nguội và muối trắng làm thành thực đơn,
Khách đi đường qua đây tạm dừng nghỉ.

Dịch thơ

HÀNG CHÁO

Ven đường nấp dưới bóng lùm cây,
Một túp lều tranh: "tiệm rượu" đây;
Nào món cháo hoa và muối trắng,
Đường xa, khách tạm nghỉ nơi này.

NAM TRÂN - HUỆ CHI dịch

果德獄 (40)

監房也是小家庭
柴米油鹽自己營
每個籠前一個灶
成天煮飯與調羹

Phiên âm

QUẢ ĐỨC NGỤC

*Giám phòng dã thị tiểu gia đình,
Sài, mễ, du, diêm tự kỷ doanh;
Mỗi cá lung tiền nhất cá táo*,
Thành thiên chữ phụng dĩ điều canh.*

* Nguyên bản là *cáo*. Trong lần xuất bản thứ nhất, tác giả đã sửa lại là *táo*.

Dịch nghĩa

NHÀ LAO QUẢ ĐỨC*

Phòng giam cũng là một gia đình nhỏ,
Gạo, củi, dầu, muối, đều tự mình lo sắm;
Trước mỗi phòng giam là một bếp,
Suốt ngày thổi cơm và nấu canh.

Dịch thơ

NHÀ LAO QUẢ ĐỨC

Nhà lao mà giống tiểu gia đình,
Gạo, củi, muối, dầu tự sắm sanh;
Trước mỗi phòng giam bày một bếp,
Suốt ngày lụi hụi với cơm, canh.

HUỆ CHI dịch

* *Quả Đức*: Tên huyện, thuộc tỉnh Quảng Tây, trên lưu vực sông Hữu Giang, một địa điểm tiếp sau Diên Đông.

隆安劉所長 (41)

辨事認真劉所長
人人贊頌你公平
文錢粒米都公布
乾淨囚籠好衛生

Phiên âm

LONG AN LƯU SỞ TRƯỞNG

*Biện sự nhận chân Lưu sở trưởng,
Nhân nhân tán tụng nhĩ công bình;
Văn tiền lập mẽ đô công bố,
Can tịnh tù lung hảo vệ sinh.*

Dịch nghĩa

SỞ TRƯỞNG LONG AN* HỌ LƯU

Sở trưởng họ Lưu giải quyết công việc thận trọng, đúng đắn,
Mọi người đều khen ông công bằng;
Đồng tiền, hạt gạo đều công bố,
Nhà lao sạch sẽ hợp vệ sinh.

Dịch thơ

SỞ TRƯỞNG LONG AN HỌ LƯU

**Làm việc đúng thay Lưu sở trưởng
Ai ai cũng bảo bác công bình;
Đồng tiền, bát gạo đều công bố,
Sạch sẽ, lao tù rất vệ sinh.**

NAM TRÂN *dịch*

* *Long An*: Một thủ phủ thuộc tỉnh Quảng Tây, một địa điểm trên sông Hữu Giang. Từ Quảng Đức, tác giả bị giải chéch xuống phía nam và dọc theo sông Hữu Giang đến Nam Ninh.

早 解 (42)

一 次 雞 啼 夜 未 闌
群 星 擁 月 上 秋 山
征 人 已 在 征 途 上
迎 面 秋 風 陣 陣 寒

二 (43)

東 方 白 色 已 成 紅
幽 暗 殘 餘 早 一 空
暖 氣 包 羅 全 宇 宙
行 人 詩 興 忽 加 濃

Phiên âm

TẢO GIẢI

I

*Nhất thứ kê đề dạ vị lan,
Quần tinh ủng nguyệt thưởng thu san;
Chinh nhân dĩ tại chinh đồ thượng,
Nghênh diện thu phong trận trận hàn.*

II

*Đông phương bạch sắc dĩ thành hồng,
U ám tàn dư nhất tảo không*;
Noãn khí bao la toàn vũ trụ,
Hành nhân thi hứng hốt gia nông!*

* Câu này chữa lại theo nguyên bản. Nhưng chúng tôi vẫn ngờ tác giả viết nhầm chữ *tảo* là quét thành chữ *tảo* là sớm. Và câu thơ *U ám tàn dư nhất tảo nhất không* (bóng đêm còn u ám đã bị quét sạch) như bản in năm 1960 là đúng văn pháp hơn.

Dịch nghĩa

GIẢI ĐI SỚM

I

Gà gáy một lần, đêm chưa tàn,
Chòm sao nâng vầng trăng lên đỉnh núi mùa thu;
Người đi xa đã cất bước trên đường xa,
Gió thu tấp mặt từng cơn từng cơn lạnh lẽo.

II

Phương đông màu trắng chuyển thành hồng,
Bóng đêm còn rơi rớt sớm đã hết sạch;
Hơi ẩm bao la khắp vũ trụ,
Người đi thi hứng bỗng thêm nồng.

Dịch thơ

GIẢI ĐI SỚM

I

**Gà gáy một lần đêm chưa tan,
Chòm sao nâng nguyệt vượt lên ngàn;
Người đi cất bước trên đường thẳm,
Rát mặt, đêm thu, trận gió hàn.**

II

**Phương đông màu trắng chuyển sang hồng
Bóng tối đêm tàn, sớm sạch không;
Hơi ẩm bao la trùm vũ trụ,
Người đi, thi hứng bỗng thêm nồng.**

NAM TRÂN *dịch*

同 正 (44)

十一月二日

同 正 正 同 平 馬 獄
每 餐 一 粥 肚 空 空
水 和 光 線 很 充 足
日 日 還 開 兩 次 籠

Phiên âm

ĐỒNG CHÍNH

(Thập nhất nguyệt nhị nhật)

*Đồng Chính chính đồng Bình Mã ngục,
Mỗi xan nhất chúc đồ không không;
Thủy hòa quang tuyến hần sung túc,
Nhật nhật hoàn khai lưỡng thứ lung.*

Dịch nghĩa

ĐỒNG CHÍNH*

(Ngày 2 tháng 11)

Nhà lao Đồng Chính giống hệt nhà lao Bình Mã**,
Mỗi bữa một bát cháo, bụng thường rỗng không;
Nước và ánh sáng thì đầy đủ,
Mỗi ngày còn hai lần mở cửa buồng giam.

Dịch thơ

ĐỒNG CHÍNH

(Ngày 2 tháng 11)

**Bình Mã thế nào Đồng Chính vậy,
Bữa lưng bát cháo bụng còn cào;
Nước và ánh sáng thì dư dật,
Ngày lại hai lần mở cửa lao.**

NAM TRÂN *dịch*

* *Đồng Chính*: Một huyện thuộc tỉnh Quảng Tây, một địa điểm trên đường từ Long An đi Nam Ninh dọc theo sông Hữu Giang.

** *Bình Mã*: Một trấn ở Tây bộ Khu tự trị dân tộc Choang tỉnh Quảng Tây, bên bờ sông Hữu Giang, là nơi đóng của Cách mệnh ủy viên hội Diên Đông. Nay là huyện lý Diên.

難 友 的 紙 被 (45)

舊 卷 新 書 相 補 綴
紙 氈 猶 煖 過 無 氈
玉 床 錦 帳 人 知 否
獄 裡 許 多 人 不 眠

Phiên âm

NẠN HỮU ĐÍCH CHỈ BỊ

*Cựu quyển, tân thư tương bổ xuyết,
Chỉ chiên do noãn quá vô chiên;
Ngọc sàng cảm trướng nhân tri phủ,
Ngục lý hứa đa nhân bất miên?*

Dịch nghĩa

CHIẾC CHẴN GIẤY CỦA NGƯỜI BẠN TÙ

Quyển cũ, sách mới cùng bồi đắp lại,
Chăn giấy còn ấm hơn không có chăn;
Người trên giường ngọc trướng gấm có biết chăng,
Trong ngục bao nhiêu người không ngủ?

Dịch thơ

CHIẾC CHĂN GIẤY CỦA NGƯỜI BẠN TÙ

**Quyển xưa, sách mới bồi thêm ấm,
Chăn giấy còn hơn chẳng có chăn;
Trương gấm, giường ngà, ai có biết?
Trong tù bao kẻ ngủ không an?**

NAM TRÂN - BĂNG THANH *dịch*

Bản dịch khác:

**Sách xưa vỡ mới khéo đem bồi,
Chăn giấy hơn không đã hẵn rồi,
Giường ngọc màn thêu ai có thấu,
Trong lao không ngủ biết bao người.**

HOÀNG NGÂN *dịch*



Chủ tịch Hồ Chí Minh thăm trận địa trong
Chiến dịch Biên Giới 1950

Ảnh: Bảo tàng Hồ Chí Minh

夜 冷 (46)

秋 深 無 褥 亦 無 氈
縮 脛 弓 腰 不 可 眠
月 照 庭 蕉 增 冷 氣
窺 窗 北 斗 已 橫 天

Phiên âm

DẠ LÃNH

*Thu thâm vô nhục diệc vô chiên,
Súc hình cung yêu bất khả miên;
Nguyệt chiếu đình tiêu tăng lãnh khí,
Khuy song Bắc Đẩu dĩ hoành thiên.*

Dịch nghĩa

ĐÊM LẠNH

Đêm cuối thu không đệm cũng không chẵn,
Nằm co cẳng cong lưng vẫn không ngủ được;
Trăng soi khóm chuối trước sân càng tăng thêm khí lạnh,
Nhòm qua cửa sổ, sao Bắc Đẩu đã ngang trời.

Dịch thơ

ĐÊM LẠNH

**Đêm thu không đậm cũng không chần,
Gối quắp, lưng còng, ngủ chẳng an;
Khóm chuối trắng soi càng thấy lạnh,
Nhòm song, Bắc Đẩu đã nằm ngang.**

NAM TRÂN *dịch*

Bản dịch khác:

**Cuối thu chần đậm cũng đều không,
Co quắp nằm mà ngủ chẳng xong;
Sân chuối trắng soi thêm lạnh lẽo,
Ngang trời, Bắc Đẩu hiện ngoài song.**

TRẦN ĐẮC THỌ *dịch*

綁 (47)

脛 臂 長 龍 環 繞 著
宛 如 外 國 武 勳 官
勳 官 的 是 金 絲 綫
我 的 麻 繩 一 大 端

Phiên âm

BANG

*Hình tỳ trường long hoàn nhiều trước,
Uyển như ngoại quốc vũ huân quan;
Huân quan đích thị kim ti tuyến,
Ngã đích ma thằng nhất đại đoan.*

Dịch nghĩa

DÂY TRÓI

Rồng dài* quấn quanh cẳng chân và cánh tay,
Giống hệt dây tua quan võ nước ngoài;
Dây tua quan võ là kim tuyến,
Còn của ta là một sợi thừng gai lớn.

Dịch thơ

DÂY TRÓI

**Rồng quấn vòng quanh chân với tay,
Trông như quan võ đủ tua, đai;
Tua đai quan võ bằng kim tuyến,
Tua của ta là một cuộn gai.**

NAM TRÂN - BĂNG THANH *dịch*

* *Rồng dài*: Nguyên văn là *trường long*, tức sợi dây trói tác giả gọi một cách hài hước.

落了一隻牙 (48)

你 的 心 情 硬 且 剛
不 如 老 舌 軟 而 長
從 來 與 你 同 甘 苦
現 在 東 西 各 一 方

Phiên âm

LẠC LIỄU NHẤT CHÍCH NHA

*Nhĩ đích tâm tình ngạnh thả cương,
Bất như lão thiệt nhuyễn nhi trường;
Tòng lai dữ nhĩ đồng cam khổ,
Hiện tại đông tây các nhất phương.*

Dịch nghĩa

RỤNG MẮT MỘT CHIẾC RĂNG

Tính tình anh rắn rỏi và kiên cường,
Chẳng mềm và dài như lão lười;
Trước nay vẫn cùng anh chung ngọt bùi, cay đắng,
Bây giờ phải xa nhau, người một phương.

Dịch thơ

RỤNG MẮT MỘT CHIẾC RĂNG

Cứng rắn như anh chẳng kém ai,
Chẳng như lão lười dẻo và dài;
Ngọt bùi cay đắng từng chia sẻ,
Nay kẻ chân mây, kẻ cuối trời.

TRẦN ĐẮC THỌ *dịch*

龍安一同正 (49)

此間土地廣而貧
所以人民儉且勤
聽說今春逢大旱
十分收穫兩三分

Phiên âm

LONG AN - ĐỒNG CHÍNH^{*}

*Thử gian thổ địa quảng nhi bần,
Sở dĩ nhân dân kiệm thả cần;
Thính thuyết kim xuân phùng đại hạn,
Thập phân thu hoạch lưỡng tam phân.*

* Bài này trong các lần in trước xếp trên bài *Đồng Chính*, lần này chuyển xuống cho đúng với nguyên bản và *Long An - Đồng Chính* là lời nhận xét của tác giả về cả hai vùng Long An và Đồng Chính, chứ không phải trên con đường từ Long An đến Đồng Chính.

Dịch nghĩa

LONG AN - ĐỒNG CHÍNH

Vùng này ruộng đất rộng nhưng cằn cỗi,
Vì thế nhân dân tiết kiệm và siêng năng;
Nghe nói mùa xuân năm nay gặp đại hạn,
Mười phần chỉ thu hoạch được vài ba phần.

Dịch thơ

LONG AN - ĐỒNG CHÍNH

Vùng đây tuy rộng, đất khô cằn,
Vì thế nhân dân kiệm lại cần;
Nghe nói xuân nay trời đại hạn,
Mười phần thu hoạch chỉ đôi phần.

NAM TRÂN - BĂNG THANH *dịch*

街上 (50)

街上人爭看漢奸
漢奸與我本無干
無干仍是嫌疑犯
使我心中覺點寒

Phiên âm

NHAI THUỘNG

*Nhai thượng nhân tranh khán Hán gian,
Hán gian dữ ngã bản vô can;
Vô can nhưng thị hiềm nghi phạm,
Sử ngã tâm trung giác điểm hàn.*

Dịch nghĩa

TRÊN ĐƯỜNG PHỐ

Trên đường phố mọi người tranh nhau xem Hán gian,
Hán gian vốn chẳng liên can gì với ta;
Nhưng không liên can mà vẫn là người tù bị tình nghi,
Khiến lòng ta cảm thấy có chút ghê lạnh.

Dịch thơ

TRÊN ĐƯỜNG PHỐ

Ngoài phố tranh nhau xem Hán gian,
Hán gian, ta vốn thực vô can;
Vô can vẫn bị nghi là có,
Thực khiến lòng ta lạnh tới gan.

NAM TRÂN *dịch*

路上 (51)

脛 臂 雖 然 被 緊 綁
滿 山 鳥 語 與 花 香
自 由 覽 賞 無 人 禁
賴 此 征 途 減 寂 涼

Phiên âm

LỘ THUỘNG

*Hình lý tuy nhiên bị khẩn bang,
Mãn sơn điều ngữ dữ hoa hương;
Tự do lãm thưởng vô nhân cấm,
Lại thử chinh đồ giảm tịch lương.*

Dịch nghĩa

TRÊN ĐƯỜNG

Mặc dù chân tay bị trói chặt,
Nhưng đây núi chim hót và hoa thơm;
Tự do thường ngoạn, không ai cấm được,
Nhờ thế, đường xa cũng bớt quạnh hiu.

Dịch thơ

TRÊN ĐƯỜNG

Mặc dù bị trói chân tay,
Chim ca rộn núi, hương bay ngát rừng;
Vui say, ai cấm ta dừng,
Đường xa, âu cũng bớt chùng quạnh hiu.

NAM TRÂN dịch

徵兵家眷 (52)

郎君一去不回頭
使妾閨中獨抱愁
當局可憐余寂寞
請余來暫住牢囚

Phiên âm

TRUNG BINH GIA QUYÊN

*Làng quân nhất khứ bất hồi đầu,
Sử thiếp khuê trung độc bão sầu;
Đương cục khả liên dư tịch tịch,
Thỉnh dư lai tạm trú lao tù.*

Dịch nghĩa

GIA QUYỀN NGƯỜI BỊ BẮT LÍNH*

Chàng ra đi không trở về,
Để thiếp chôn buồn the một mình ôm sầu;
Nhà đương cục ý hằn thương thiếp cô quạnh,
Nên mời thiếp đến ở tạm nhà tù.

Dịch thơ

GIA QUYỀN NGƯỜI BỊ BẮT LÍNH

**Biền biệt anh đi không trở lại,
Buồng the trơ trọi, thiếp ôm sầu;
Quan trên xót nỗi em cô quạnh,
Nên lại mời em tạm ở tù!**

NAM TRÂN *dịch*

* Trong bài này, tác giả châm biếm việc bắt lính của chính quyền Tưởng Giới Thạch. Tuy gọi là "đi lính cứu nước", nhưng thực chất chỉ là để bảo vệ nhà cầm quyền, nên phần đông nhân dân bỏ trốn không chịu đi. Để đối phó lại, chính quyền đã dùng thủ đoạn bắt vợ vào ngồi tù thay.

解嘲 (53)

吃公家飯住公房
軍警輪班去護從
玩水遊山隨所適
男兒到此亦豪雄

Phiên âm

GIẢI TRÀO

*Ngật công gia phạn, trú công phòng,
Quân cảnh luân ban khứ hộ tòng;
Ngoạn thủy du sơn tùy sở thích,
Nam nhi đáo thử diệc hào hùng!**

* Câu cuối bài này lấy từ câu thơ cuối bài thơ *Ngẫu thành* của nhà thơ và nhà triết học Nho giáo Trình Hạo đời Tống.

*Phú quý bất dâm, bần tiện lạc,
Nam nhi đáo thử diệc hào hùng.*

Nghĩa là:

Giàu sang không ham muốn, nghèo hèn vẫn vui,
Làm trai đến thế cũng hào hùng.

Dịch nghĩa

PHA TRÒ

Ăn cơm nhà nước, ở nhà công,
Lính quân cảnh thay phiên nhau đi hộ vệ;
Dạo núi chơi sông tùy ý thích,
Làm trai đến thế cũng hào hùng!

Dịch thơ

PHA TRÒ

**Ăn cơm nhà nước, ở nhà công,
Lính tráng thay phiên đến hộ tòng;
Non nước dạo chơi tùy sở thích,
Làm trai như thế cũng hào hùng!**

VĂN TRỰC - VĂN PHỤNG *dịch*

往南寧 (54)

鐵繩硬替麻繩軟
步步叮嚀環珮聲
雖是嫌疑間諜犯
儀容卻像舊公卿

Phiên âm

VÃNG NAM NINH

*Thiết thăng ngạnh thế ma thăng nhuyễn,
Bộ bộ đĩnh đang hoãn bội thanh;
Tuy thị hiêm nghi gián điệp phạm,
Nghị dung khước tượng cựu công khanh.*

Dịch nghĩa

ĐI NAM NINH

Xích sắt cứng đã thay thùng gai mềm,
Bước mỗi bước leng keng như tiếng ngọc;
Tuy là người tù bị tình nghi gián điệp,
Nhưng bộ dạng lại giống vị công khanh ngày trước.

Dịch thơ

ĐI NAM NINH

**Hôm nay xiềng sắt thay dây trói,
Mỗi bước leng keng tiếng ngọc rung;
Tuy bị tình nghi là gián điệp,
Mà như khanh tướng vẻ ung dung.**

NAM TRÂN *dịch*

警兵擔豬同行 (55)

警士擔豬同路走
豬由人擔我人牽
人而反賤於豬仔
因爲人無自主權

二 (56)

世上千辛和萬苦
莫知失却自由權
一言一動不自主
如牛如馬任人牽

Phiên âm

CẢNH BINH ĐẢM TRƯ ĐỒNG HÀNH

I

*Cảnh sĩ đảm trư đồng lộ tẩu,
Trư do nhân đảm, ngã nhân khiên;
Nhân nhi phản tiện ư trư tử,
Nhân vị nhân vô tự chủ quyền!*

II

*Thế thượng thiên tâm hòa vạn khổ,
Mạc như thất khước tự do quyền!
Nhất ngôn nhất động bất tự chủ,
Như ngư, như mã, nhậm nhân khiên.*

Dịch nghĩa

CẢNH BINH KHIÊNG LỢN CÙNG ĐI

I

Cảnh binh khiêng lợn đi cùng đường,
Lợn thì người khiêng, ta người dắt;
Người lại bị coi rẻ hơn lợn,
Chỉ vì người không có quyền tự chủ.

II

Trên đời nghìn vạn điều cay đắng,
Không gì cay đắng bằng mất quyền tự do;
Mỗi lời nói, mỗi hành động đều không được tự chủ,
Mặc cho người dắt như trâu, như ngựa.

Dịch thơ

CẢNH BINH KHIÊNG LỢN CÙNG ĐI

I

**Khiêng lợn, lính cùng đi một lối,
Ta thì người dắt, lợn người khiêng;
Con người coi rẻ hơn con lợn,
Chỉ tại người không có chủ quyền!**

II

**Trên đời nghìn vạn điều cay đắng,
Cay đắng chi bằng mất tự do?
Mỗi việc mỗi lời không tự chủ,
Để cho người dắt tựa trâu bò!**

NAM TRÂN *dịch*

跌 落 (57)

夜 仍 黑 暗 已 登 程
路 又 崎 嶇 甚 不 平
跌 入 深 坑 危 險 甚
幸 能 躍 出 了 深 坑

Phiên âm

ĐIỆT LẠC

*Dạ nhưng hắc ám dĩ đăng trình,
Lộ hựu kỳ khu thậm bất bình;
Điệt nhập thâm khanh nguy hiểm thậm,
Hạnh năng được xuất liễu thâm khanh*.*

* Nguyên bản là *trình*, trong lần xuất bản thứ nhất, tác giả đã sửa lại là *khanh*.

Dịch nghĩa

HỤT CHÂN NGÃ

Đêm còn tối mịt đã phải lên đường,
Đường lại gồ ghề, không chút bằng phẳng;
Hụt chân thụt xuống hố sâu, nguy hiểm quá,
May sao đã nhảy được ra khỏi hố.

Dịch thơ

HỤT CHÂN NGÃ

Còn tối như bưng đã phải đi,
Đường đi khúc khuỷu lại gồ ghề;
Trượt chân nhỡ bước sa vào hố,
May nhảy ra ngoài suýt nữa nguy!

NAM TRÂN dịch

半路搭船赴邕 (58)

乘舟順水往邕寧
脛吊船欄似絞刑
兩岸鄉村稠密甚
江心漁父釣船輕

Phiên âm

BÁN LỘ THÁP THUYỀN PHÓ UNG

*Thừa chu thuận thủy vãng Ung Ninh,
Hĩnh điếu thuyền lan tự giáo hình;
Lưỡng ngạn hương thôn trù mật thậm,
Giang tâm ngư phủ điếu thuyền khinh.*

Dịch nghĩa

GIỮA ĐƯỜNG ĐÁP THUYỀN ĐI UNG NINH*

Đáp thuyền xuôi dòng đi Ung Ninh,
Chân bị treo lên giàn thuyền như tội hình treo cổ;
Làng xóm hai bên sông thật là đông đúc,
Giữa lòng sông, thuyền câu của ông chài lướt nhẹ.

Dịch thơ

GIỮA ĐƯỜNG ĐÁP THUYỀN ĐI UNG NINH

Đáp thuyền thẳng xuống huyện Ung Ninh,
Lủng lẳng chân treo tựa giáo hình;
Làng xóm ven sông đông đúc thế,
Thuyền câu rẽ sóng nhẹ thênh thênh.

NAM TRÂN dịch

* *Ung Ninh*: Tức Nam Ninh, một huyện thuộc tỉnh Quảng Tây, có thị trấn Nam Ninh.

南寧獄 (59)

監房建築頂摩登
澈夜輝煌照電燈
因爲每餐惟有粥
使人肚子戰兢兢

Phiên âm

NAM NINH NGỤC

*Gian phòng kiến trúc đỉnh "ma đặng",
Triệt dạ huy hoàng chiếu điện đặng;
Nhân vị mỗi xan duy hữu chước,
Sử nhân đồ tử chiến căng căng.*

Dịch nghĩa

NHÀ NGỤC NAM NINH

Nhà lao xây dựng rất "môđéc"*,
Suốt đêm đèn điện sáng rực;
Nhưng vì bữa ăn nào cũng chỉ có cháo,
Khiến cho bụng người ta cứ run bần bật.

Dịch thơ

NHÀ NGỤC NAM NINH

**Nhà lao xây dựng kiểu tân thời,
Đèn điện thâu đêm sáng rực trời;
Nhưng mỗi bữa ăn lưng bát cháo,
Cho nên cái bụng cứ rung hoài.**

NAM TRÂN *dịch*

* *Môđéc* ("ma đăng"): Tồi tân, hiện đại, tác giả dùng với ý hài hước.

納悶 (60)

環 球 戰 火 鑠 蒼 天
壯 士 相 爭 赴 陣 前
獄 裡 閑 人 閑 要 命
雄 心 不 值 一 文 錢

Phiên âm

NẠP MUỘN

*Hoàn cầu chiến hỏa thước thương thiên,
Tráng sĩ tương tranh phó trận tiền;
Ngục lý nhàn nhân nhàn yếu mệnh,
Hùng tâm bất trị nhất văn tiền.*

Dịch nghĩa

BUỒN BỰC

Lửa chiến tranh trên hoàn cầu nóng chảy cả trời xanh,
Tráng sĩ đua nhau ra mặt trận;
Trong tù, người nhàn lại nhàn quá đổi,
Chí lớn mà không đáng giá một đồng tiền.

Dịch thơ

BUỒN BỰC

Tráng sĩ đua nhau ra mặt trận,
Hoàn cầu lửa bốc rực trời xanh;
Trong ngục người nhàn nhàn quá đổi,
Chí cao mà chẳng đáng đồng trinh.

NAM TRÂN dịch

聽雞鳴 (61)

你 只 平 常 一 隻 雞
朝 朝 報 曉 大 聲 啼
一 聲 喚 醒 群 黎 夢
你 的 功 勞 也 不 低

Phiên âm

THÍNH KÊ MINH

*Nhĩ chi bình thường nhất chích kê,
Triêu triêu báo hiệu đại thanh đề;
Nhất thanh hoán tỉnh quần lê mộng,
Nhĩ đích công lao dã bất đề.*

Dịch nghĩa

NGHE GÀ GÁY

Người chỉ là một chú gà bình thường,
Mỗi sớm, lớn tiếng gáy để báo sáng;
Một tiếng thôi mà gọi tỉnh giấc mộng của dân chúng,
Công lao người chẳng phải là xoàng.

Dịch thơ

NGHE GÀ GÁY

Người tuy chỉ một chú gà thường,
Báo sáng, ngày ngày tiếng gáy vang;
Một tiếng, toàn dân bừng tỉnh mộng,
Công người đâu có phải là xoàng.

NAM TRẦN *dịch*

一個賭犯硬了 (62)

他身只有骨包皮
痛苦饑寒不可支
昨夜他仍睡我側
今朝他已九泉歸

Phiên âm

NHẤT CÁ ĐỒ PHẠM "NGẠNH" LIÊU

*Tha thân chỉ hữu cốt bao bì,
Thống khổ cơ hàn bất khả chi;
Tạc dạ tha nhưng thụ ngã trắc,
Kim triêu tha dĩ cữu tuyên quy.*

Dịch nghĩa

MỘT NGƯỜI TÙ CỜ BẠC "CHẾT CÙNG"

Thân hình anh ấy chỉ còn da bọc xương,
Khô đau, đói rét, không chống đỡ nổi;
Đêm qua anh còn nằm ngủ cạnh tôi,
Sáng nay đã về chín suối.

Dịch thơ

MỘT NGƯỜI TÙ CỜ BẠC "CHẾT CÙNG"

**Thân anh da bọc lấy xương
Khổ đau, đói rét hết phương sống rồi;
Đêm qua còn ngủ bên tôi,
Sáng nay anh đã về nơi suối vàng!**

NAM TRÂN *dịch*

Bản dịch khác:

**Anh chỉ làn da bọc dùm xương,
Khổ đau, đói rét sức khôn đương;
Đêm qua còn ngủ bên tôi đó,
Mà sáng hôm nay đã suối vàng.**

NGUYỄN SĨ LÂM

又 一 個 . . . (63)

夷 齊 不 食 周 朝 粟
賭 犯 不 吃 公 家 粥
夷 齊 餓 死 首 陽 山
賭 犯 餓 死 公 家 獄

Phiên âm

HỮU NHẤT CÁ...

*Di, Tề bất thực Chu triều túc,
Đỗ phạm bất ngật công gia chúc;
Di, Tề ngã tử Thú Dương* sơn,
Đỗ phạm ngã tử công gia ngục.*

* Nguyên bản là *Thủ Dương*, trong lần xuất bản thứ nhất tác giả chữa lại là *Thú Dương*. Thú Dương là tên một ngọn núi thuộc tỉnh Hải Nam, Trung Quốc.

Dịch nghĩa

LẠI MỘT NGƯỜI NỮA

Bá Di, Thúc Tề* không ăn thóc nhà Chu,
Người tù cờ bạc không ăn cháo nhà nước;
Bá Di, Thúc Tề chết đói trên núi Thú Dương,
Người tù cờ bạc chết đói trong ngục nhà nước.

Dịch thơ

LẠI MỘT NGƯỜI NỮA

**Di, Tề chẳng ăn gạo nhà Chu,
Tù bạc chẳng ăn cháo nhà nước;
Di, Tề chết đói ngàn Thú Dương,
Tù bạc chết đói trong nhà ngục.**

NAM TRÂN *dịch*

* *Bá Di, Thúc Tề*: Con vua nước Cô Trúc đời nhà Ân (1401 - 1122 trước C.N.), Trung Quốc. Khi Vũ Vương chiếm ngôi nhà Ân lập nên nhà Chu, Bá Di, Thúc Tề không chịu ăn gạo nhà Chu lên núi Thú Dương ở ẩn, ăn rau薇, rồi chết đói ở đó.

禁 煙 紙 煙 的 (64)

煙 禁 此 間 很 厲 害
你 煙 繳 入 他 煙 包
當 然 他 可 吹 煙 斗
你 若 吹 煙 罰 手 鐐

他：獄丁也

Phiên âm

CẤM YÊN

(Chỉ yên đích)

*Yên cấm thử gian hản lệ hại,
Nhĩ yêu kiều nhập tha yên bao;
Đương nhiên tha khả xuy yên đầu,
Nhĩ nhược xuy yên, phạt thủ liêu.
(Tha: ngục đình dĩa)*

Dịch nghĩa

CẤM HÚT THUỐC (Thuốc lá)

Ở đây lệnh cấm hút thuốc rất gắt gao,
Thuốc của anh phải nộp vào túi thuốc của nó;
Đương nhiên, nó có thể hút thuốc bằng tẩu,
Nhưng nếu anh hút, bị phạt còng tay.

(Nó: lính ngục)

Dịch thơ

CẤM HÚT THUỐC (Thuốc lá)

Hút thuốc nơi này cấm gắt gao,
Thuốc anh nó tịch, bỏ vào bao;
Nó thì kéo tẩu tha hồ hút,
Anh hút, còng đây, tay ghé vào.

NAM TRÂN *dịch*

夜半聞哭夫 (65)

嗚呼夫君兮夫君
何故夫君遽棄塵
使妾從今何處見
十分心合意投人

Phiên âm

ĐẠ BÁN VĂN KHỐC PHU

*Ô hô phu quân, hề phu quân!
Hà cố phu quân cự khí trần?
Sử thiếp tòng kim hà xứ kiến,
Thập phần tâm hợp ý đầu nhân.*

Dịch nghĩa

NỬA ĐÊM NGHE TIẾNG KHÓC CHỒNG

Than ôi! Chàng hỡi chàng!
Cớ sao chàng vội lìa bỏ cõi đời?
Khiến cho thiếp từ nay biết tìm đâu thấy,
Người bạn đời mười phần tâm đầu ý hợp!

Dịch thơ

NỬA ĐÊM NGHE TIẾNG KHÓC CHỒNG

Hỡi ôi, chàng hỡi, hỡi chàng ôi!
Cớ sự vì sao vội lánh đời?
Để thiếp từ nay đâu thấy được,
Con người tâm ý hợp mười mười.

NGUYỄN SĨ LÂM *dịch*

黃 昏 (66)

風 如 利 劍 磨 山 石
寒 似 尖 鋒 刺 樹 枝
遠 寺 鍾 聲 催 客 步
牧 童 吹 笛 引 牛 歸

Phiên âm

HOÀNG HÔN

*Phong như lợi kiếm ma sơn thạch,
Hàn tự tiêm phong thích thụ chi;
Viễn tự chung thanh thôi khách bộ,
Mục đồng xuy địch dẫn ngưu quy.*

Dịch nghĩa

HOÀNG HÔN

Gió như gươm sắc mài đá núi,
Rét như giáo nhọn chích cành cây;
Tiếng chuông chùa xa giục bước chân khách,
Trẻ chăn trâu thổi sáo dẫn trâu về.

Dịch thơ

HOÀNG HÔN

**Gió sắc tựa gươm mài đá núi,
Rét như dùi nhọn chích cành cây;
Chùa xa chuông giục người nhanh bước,
Trẻ dẫn trâu về tiếng sáo bay.**

NAM TRÂN *dịch*

工 金 (67)

煮 一 鍋 飯 六 毛 錢
一 盆 開 水 銀 一 元
一 元 買 物 得 六 角
獄 中 價 格 定 昭 然

Phiên âm

CÔNG KIM

*Chữ nhất oa phạn lục mao tiền,
Nhất bồn khai thủy ngân nhất nguyên;
Nhất nguyên mãi vật đắc lục giác,
Ngục trung giá cách định chiêu nhiên.*

Dịch nghĩa

TIỀN CÔNG

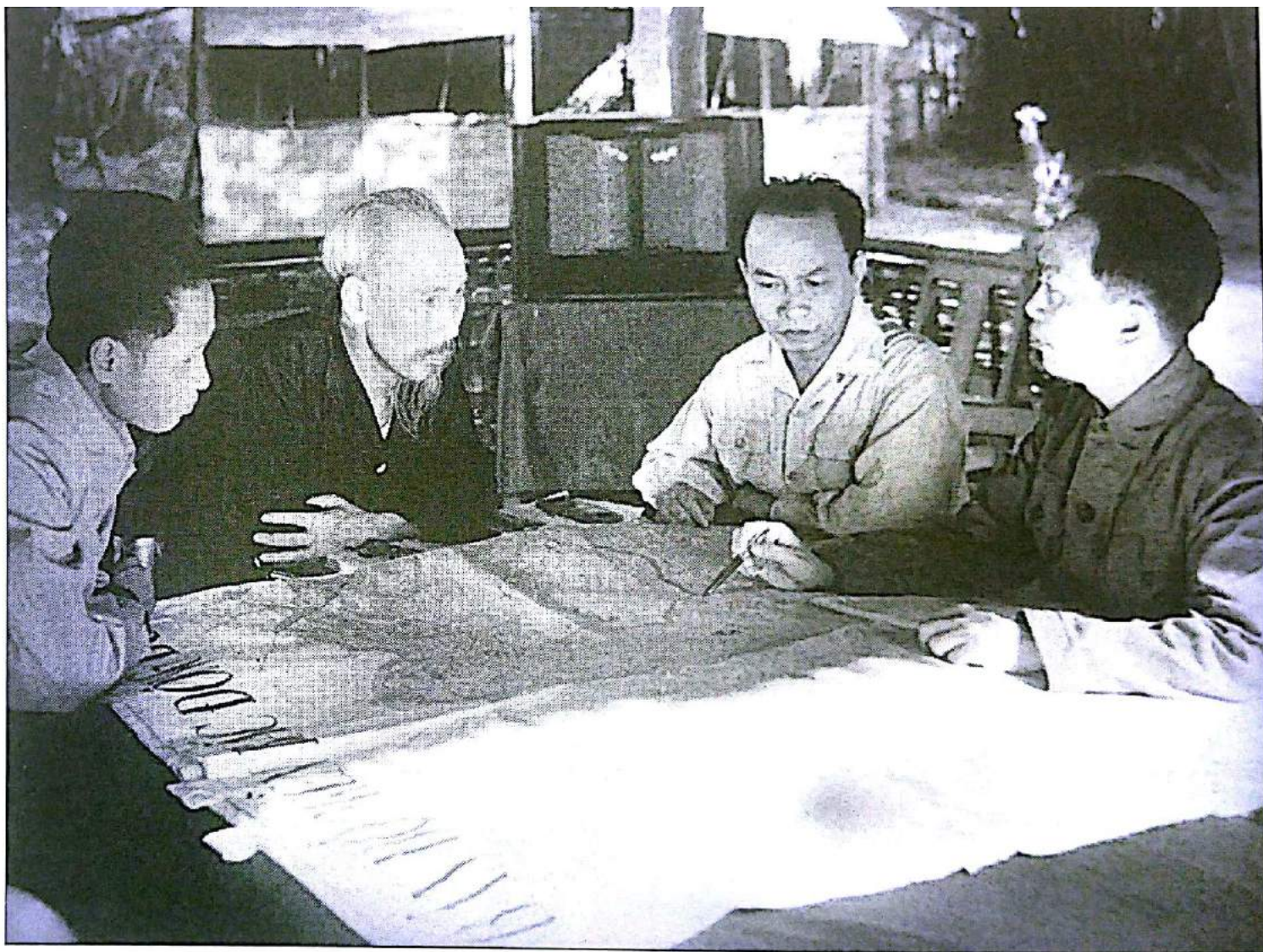
Thối một nồi cơm phải sáu hào,
Một chậu nước sôi một đồng bạc;
Một đồng mua hàng chỉ đáng giá sáu hào,
Giá cả trong tù định rõ như thế!

Dịch thơ

TIỀN CÔNG

**Thối một nồi cơm, trả sáu hào,
Nước sôi mỗi chậu, một đồng trao;
Một đồng của đáng sáu hào chỉ,
Giá cả trong tù định rõ sao!**

NAM TRÂN *dịch*



Chủ tịch Hồ Chí Minh và Bộ Chính trị họp bàn chiến cuộc
Đông Xuân 1953-1954 và quyết định mở Chiến dịch Điện Biên Phủ

Ảnh: Bảo tàng Hồ Chí Minh

睡不著 (68)

一更二更又三更
輾轉徘徊睡不成
四五更時才合眼
夢魂環繞五尖星

Phiên âm

THỤY BẤT TRƯỚC

*Nhất canh... nhị canh... hựu tam canh,
Triển chuyển, bồi hồi, thụy bất thành;
Tứ, ngũ canh thì tài hợp nhãn,
Mộng hồn hoàn nhiều ngũ tiêm tinh.*

Dịch nghĩa

NGỦ KHÔNG ĐƯỢC

Canh một... canh hai... lại canh ba,
Trần trọc băn khoăn không ngủ được;
Canh tư, canh năm vừa chợp mắt,
Hồn mộng đã quần quanh nơi ngôi sao năm cánh.

Dịch thơ

NGỦ KHÔNG ĐƯỢC

**Một canh... hai canh... lại ba canh,
Trần trọc bắn khoăn, giấc chẳng thành;
Canh bốn, canh năm vừa chợp mắt,
Sao vàng năm cánh mộng hồn quanh.**

NAM TRÂN *dịch*

Bản dịch khác:

**Canh một... canh hai... lại canh ba,
Trần trọc, bắn khoăn, khó ngủ mà;
Canh bốn, canh năm vừa chợp mắt,
Sao vàng năm cánh quện hồn ta.**

XUÂN THỦY *dịch*

憶 友 (69)

昔君送我至江濱
問我歸期指谷新
現在新田已梨好
他鄉我作獄中人

Phiên âm

ỨC HỮU

*Tích quân tổng ngã chí giang tân,
Vấn ngã quy kỳ, chỉ cốc tân;
Hiện tại tân điền dĩ lê hảo,
Tha hương ngã tác ngục trung nhân.*

Dịch nghĩa

NHỚ BẠN

Ngày nào anh tiễn tôi đến bến sông,
Hỏi tôi ngày về, trở mùa lúa mới;
Đến nay ruộng lại đã cày xong hết rồi,
Nơi đất khách, tôi thành người trong tù.

Dịch thơ

NHỚ BẠN

Ngày đi bạn tiễn đến bên sông,
Hẹn bạn về khi lúa đỏ đồng;
Nay gặt đã xong, cày đã khắp,
Quê người, tôi vẫn chốn lao lung.

NAM TRÂN *dịch*

替難友們寫報告 (70)

同舟共濟義難辭
替友編修報告書
奉此等因今始學
多多博得感恩詞

Phiên âm

THẾ NẠN HỮU MÃN TẢ BÁO CÁO

*Đồng chu cộng tế nghĩa nan từ,
Thế hữu biên tu báo cáo thư;
"Phụng thử", "đẳng nhân" kim thủy học,
Đa đa bác đắc cảm ân từ.*

Dịch nghĩa

VIẾT HỘ BÁO CÁO CHO CÁC BẠN TÙ

Cùng hội cùng thuyền giúp nhau, lẽ khôn từ chối,
Viết báo cáo thay cho bạn;
Những chữ "thừa lệnh", "chiều theo" nay đều mới học,
Thế mà đã được nhiều lời cảm tạ.

Dịch thơ

VIẾT HỘ BÁO CÁO CHO CÁC BẠN TÙ

Cùng hội cùng thuyền nên phải giúp,
Viết thay báo cáo dám từ nan;
"Chiều theo", "thừa lệnh" nay vừa học,
Đã được bao lời bạn cảm ơn.

NAM TRẦN *dịch*

癩 瘡 (71)

滿身紅綠如穿錦
成日撈搔似鼓琴
穿錦囚中都貴客
鼓琴難友盡知音

Phiên âm

LẠI SANG

*Mãn thân hồng lục như xuyên cẩm,
Thành thật lao tao tựa cổ cầm;
Xuyên cẩm, tù trung đồ quý khách,
Cổ cầm, nạn hữu tận tri âm.*

Dịch nghĩa

GHẺ LỖ

Xanh đỏ đầy người như áo gấm,
Suốt ngày sột soạt tựa gảy đàn;
Mặc gấm trong tù đều là khách quý,
Gảy đàn, bạn tù đều là tri âm.

Dịch thơ

GHẺ LỖ

**Đầy mình đỏ tím như hoa gấm,
Sột soạt luôn tay tựa gảy đàn;
Mặc gấm, bạn tù đều khách quý,
Gảy đàn, trong ngục thấy tri âm.**

VĂN TRỰC - VĂN PHỤNG *dịch*

聞 椿 米 聲 (72)

米 被 舂 時 很 痛 苦
既 舂 之 後 白 如 綿
人 生 在 世 也 這 樣
困 難 是 你 玉 成 天

Phiên âm

VĂN THUNG MỄ THANH

*Mễ bị thung thì, hấn thống khổ,
Ký thung chi hậu, bạch như miên;
Nhân sinh tại thế dã giá dạng,
Khốn nạn thị nhĩ ngọc thành thiên.*

Dịch nghĩa

NGHE TIẾNG GIÃ GẠO

Gạo lúc đang giã, rất đau đớn,
Lúc giã xong rồi, trắng tựa bông;
Người sống trên đời cũng như vậy,
Gian nan là dịp rèn giũa mình thành ngọc.

Dịch thơ

NGHE TIẾNG GIÃ GẠO

**Gạo đem vào giã bao đau đớn,
Gạo giã xong rồi, trắng tựa bông;
Sống ở trên đời người cũng vậy,
Gian nan rèn luyện mới thành công.**

VĂN TRỰC - VĂN PHỤNG dịch

雙 十 一 (73)

從 前 每 到 雙 十 一
紀 念 歐 洲 罷 戰 期
今 日 五 洲 同 血 戰
罪 魁 就 是 惡 NA-ZI

二 (74)

中 華 抗 戰 將 六 載
烈 烈 轟 轟 舉 世 知
勝 利 雖 然 有 把 握
仍 須 努 力 反 攻 時

三 (75)

抗 日 旌 旗 滿 亞 洲
旌 旗 大 小 有 差 殊
旌 旗 大 的 固 須 有
小 的 旌 旗 不 可 無

Phiên âm

SONG THẬP NHẤT

I

*Tòng tiền mỗi đảo Song thập nhất,
Kỷ niệm Âu châu bãi chiến kỳ;
Kim nhật ngũ châu đồng huyết chiến,
Tội khôị tịu thị ác Nadi.*

II

*Trung Hoa kháng chiến tương lực tải,
Liệt liệt oanh oanh cử thế tri;
Thắng lợi tuy nhiên hữu bả ác,
Nhưng tu nỗ lực phản công thì.*

III

*Kháng Nhật tinh kỳ mãn Á châu,
Tinh kỳ đại tiểu hữu sai thù;
Tinh kỳ đại đích cố tu hữu,
Tiểu đích tinh kỳ bất khả vô.*

Dịch nghĩa

NGÀY 11 THÁNG 11^{*}

Trước kia, cứ đến ngày 11 tháng 11
Là kỷ niệm ngày đình chiến ở châu Âu;
Ngày nay năm châu cùng huyết chiến,
Tội phạm đầu sỏ chính là bọn Nadi^{**} hung ác.

II

Trung Hoa kháng chiến đã gần sáu năm,
Oanh liệt vang lừng, khắp nơi đều biết;
Thắng lợi tuy rằng đã nắm chắc,
Nhưng vẫn phải gắng sức phản công.

III

Cờ kháng Nhật dậy khắp châu Á,
Cờ lớn, cờ nhỏ có khác nhau;
Cờ lớn cổ nhiên phải có,
Nhưng cờ nhỏ cũng không thể không có.

^{*} Ngày 11-11 (song thập nhất): Ngày kỷ niệm chấm dứt Chiến tranh thế giới thứ nhất (1914-1918).

^{**} Nadi: Chỉ bọn Đức quốc xã.

Dịch thơ

NGÀY 11 THÁNG 11

I

Thuở trước nơi nơi đều kỷ niệm,
Mừng ngày đình chiến ở châu Âu;
Năm châu nay lại đang tuôn máu,
Bọn quỷ Nadi tội đứng đầu.

II

Trung Hoa kháng chiến sáu năm chầy*
Oanh liệt, vang lừng khắp đó đây;
Đến lúc phản công nên cố gắng,
Mặc dầu thắng lợi nắm trong tay.

III

Kháng Nhật, cờ bay khắp Á châu,
Cờ to, cờ nhỏ chẳng đều nhau;
Cờ to đã hẵn là nên có,
Cờ nhỏ dù sao, thiếu được đâu.

NAM TRÂN *dịch*

* Nguyên văn: Gần sáu năm. Nhân dân Trung Quốc bắt đầu chống cuộc xâm lược của phát xít Nhật từ ngày 7-7-1937 đến cuối năm 1942 là gần 6 năm.

警 報 (76)

十一月十二日

敵 機 浩 蕩 到 天 中
避 襲 人 民 跑 一 空
我 們 出 籠 避 空 襲
人 人 歡 喜 得 出 籠

Phiên âm

CẢNH BÁO

(Thập nhất nguyệt thập nhị nhật)

*Địch cơ hạo dãng đáo thiên trung,
Tỵ tập nhân dân bào nhất không;
Ngã miễn xung lung tỵ không tập,
Nhân nhân hoan hỉ đắc xuất lung.*

Dịch nghĩa

BÁO ĐỘNG

(Ngày 12 tháng 11)

Trên trời máy bay địch rầm rộ kéo tới,
Tránh oanh tạc, nhân dân bỏ chạy hết sạch;
Chúng tôi cũng ra khỏi lao để tránh máy bay,
Ai nấy mừng rỡ được ra ngoài lao.

Dịch thơ

BÁO ĐỘNG

(Ngày 12 tháng 11)

Máy bay địch bỗng đến ào ào
Tất cả nhân dân chạy xuống hào,
Cửa mở cho tù ra lánh nạn,
Sổ lòng, ai nấy khoái làm sao!

NAM TRÂN *dịch*

折 字 (77)

囚 人 出 去 或 爲 國
患 過 頭 時 始 見 忠
人 有 憂 愁 優 點 大
籠 開 竹 門 出 真 龍

Phiên âm

CHIẾT TỰ

*Tù nhân xuất khứ hoặc vì quốc,
Hoạn quá đầu thì thủy kiến trung
Nhân hữu ưu sầu ưu điểm đại
Lung khai trúc môn, xuất chân long.*

Dịch nghĩa

CHIẾT TỰ^{*}

*Người tù ra khỏi ngục, có khi dựng nên đất nước
Qua cơn hoạn nạn mới rõ người trung
Người biết lo âu, ưu điểm lớn
Nhà lao mở then cửa trúc, rồng thật sẽ bay ra^{**}*

Dịch thơ

CHIẾT TỰ

**Người thoát khỏi tù ra dựng nước
Qua cơn hoạn nạn, rõ lòng ngay
Người biết lo âu, ưu điểm lớn
Nhà lao mở cửa ắt rồng bay!**

* Chiết tự: một hình thức phân tích chữ Hán ra từng bộ phận để thành những chữ mới, có ý nghĩa khác với ý nghĩa ban đầu.

** Theo lối chiết tự, bài thơ này còn có nghĩa đen như sau: chữ *tù* bỏ chữ *nhân* cho chữ *hoặc* vào thành chữ *quốc*. Chữ *hoạn* bớt phần trên đi thành chữ *trung*. Thêm *nhân* đứng vào chữ *ưu* trong “ưu sầu” thành chữ *ưu* trong “ưu điểm”. Chữ *lung* bỏ *trúc* đầu thành chữ *long*.

旅館 (78)

照 例 初 來 諸 難 友
必 須 睡 在 廁 坑 邊
假 如 你 想 好 好 睡
你 要 多 花 几 塊 錢

Phiên âm

LỮ QUÁN

*Chiều lệ sơ lai chư nạn hữu
Tất tu thụ tại xí khanh biên;
Giả như nhĩ tướng hảo hảo thụ,
Nhĩ yếu đa hoa kỷ khôi tiên.*

Dịch nghĩa

"QUÁN TRỢ"

Theo lệ, các bạn tù mới đến,
Ắt phải ngủ cạnh hồ xí;
Nếu anh muốn được ngủ ngon giấc,
Anh phải tốn thêm mấy đồng bạc.

Dịch thơ

"QUÁN TRỢ"

Lệ thường tù mới đến,
Phải nằm cạnh cầu tiêu;
Muốn cho ngủ ngon giấc,
Anh phải trả tiền nhiều.

NAM TRÂN *dịch*

早 晴 (79)

朝 陽 穿 過 籠 全 部
燒 盡 幽 煙 與 暗 霾
生 氣 頓 時 充 宇 宙
犯 人 個 個 笑 顏 開

Phiên âm

TẢO TÌNH

*Triều dương xuyên quá lung toàn bộ,
Thieu tận u yên dĩ ám mai;
Sinh khí đốn thì sung vũ trụ,
Phạm nhân cá cá tiểu nhan khai.*

Dịch nghĩa

NẮNG SỚM

Nắng sớm xuyên suốt nhà lao,
Thieu đốt sạch những làn khói mù u ám còn sót lại;
Sinh khí bỗng tràn đầy vũ trụ,
Tù phạm ai nấy vẻ mặt tươi cười.

Dịch thơ

NẮNG SỚM

Nắng sớm xuyên qua nơi ngục thất,
Đốt tan khói đặc với sương dày;
Đất trời phút chốc tràn sinh khí,
Tù phạm cười tươi nở mặt mày.

HUỆ CHI dịch

越有騷動(80)

邕報赤道訊 14-11

寧死不甘奴隸苦
義旗到處又飄揚
可憐余做囚中客
未得躬親上戰場

Phiên âm

"VIỆT HỮU TAO ĐỘNG"

(Ung báo, xích đạo tấn 14-11)

*Ninh tử, bất cam nô lệ khổ,
Nghĩa kỳ đáo xứ hựu phiêu dương;
Khả liên dư tố tù trung khách,
Vị đắc cung thân thương chiến trường.*

Dịch nghĩa

"VIỆT NAM CÓ BẠO ĐỘNG"

(Tin Xích đạo, trên báo Ung Ninh 14-11)

Thà chết, không chịu làm nô lệ,
Cờ nghĩa lại tung bay khắp nơi;
Xót mình vẫn là khách trong tù,
Chưa được đích thân ra nơi chiến trường.

Dịch thơ

"VIỆT NAM CÓ BẠO ĐỘNG"

(Tin Xích đạo, trên báo Ung Ninh 14-11)

Thà chết chẳng cam nô lệ mãi,
Tung bay cờ nghĩa khắp trăm miền;
Xót mình giam hãm trong tù ngục,
Chưa được xông ra giữa trận tiền.

NAM TRÂN *dịch*

英訪華團 (81)

美團去了英團到
到處欣逢熱烈情
我也訪華團一部
卻遭特種的歡迎

Phiên âm

ANH PHÒNG HOA ĐOÀN

*Mỹ đoàn khứ liễu Anh đoàn đáo,
Đáo xứ hân phùng nhiệt liệt tình;
Ngã dã "phòng Hoa đoàn" nhất bộ,
Khước tao đặc chủng đích hoan nghênh.*

Dịch nghĩa

ĐOÀN ĐẠI BIỂU ANH SANG THĂM TRUNG HOA

Đoàn Mỹ đi khỏi, đoàn Anh tới,
Đến đâu cũng được tiếp đón nhiệt tình;
Ta cũng là một "Đoàn thăm Trung Hoa",
Lại gặp một kiểu hoan nghênh đặc biệt.

Dịch thơ

ĐOÀN ĐẠI BIỂU ANH SANG THĂM TRUNG HOA

Đoàn Mỹ đi rồi đoàn Anh đến,
Khắp chốn mừng reo tỏ nhiệt tình;
Ta cùng một đoàn thăm quý quốc,
Lại dành riêng một lối hoan nghênh.

NAM TRÂN - HOÀNG TRUNG THÔNG dịch

解往武鳴 (82)

18 - 11

既 解 到 南 寧
又 解 返 武 鳴
彎 彎 曲 曲 解
徒 延 我 行 程
不 平

Phiên âm

GIẢI VĂNG VŨ MINH

18-11

*Ký giải đèo Nam Ninh,
Hữu giải phản Vũ Minh;
Loan loan, khúc khúc giải,
Đồ diên ngã hành trình.*

Bất bình!

Dịch nghĩa

GIẢI ĐI VŨ MINH^{*}

18-11

Đã giải đến Nam Ninh,
Lại giải về Vũ Minh;
Giải đi quanh quanh quẹo quẹo mãi,
Kéo dài cuộc hành trình của ta.
Bất bình!

Dịch thơ

GIẢI ĐI VŨ MINH

18-11

**Đã giải đến Nam Ninh,
Lại giải về Vũ Minh;
Giải đi quanh quẹo mãi,
Kéo dài cả hành trình.
Bất bình!**

VĂN TRỰC - VĂN PHỤNG *dịch*

^{*} *Vũ Minh*: Tên huyện thuộc tỉnh Quảng Tây, một địa điểm trên đường bộ từ Tĩnh Tây đến Nam Ninh. Tác giả đã bị giải đến Nam Ninh dọc theo đường sông nay lại giải lại về phía Tĩnh Tây theo đường bộ.

苞鄉狗肉 (83)

過果德時吃鮮魚
過苞鄉時吃狗肉
可見一般遞解人
生活有時也不俗

Phiên âm

BÀO HƯƠNG CẦU NHỤC

*Quá Quả Đức thì ngật tiên ngư,
Quá Bào Hương thì ngật cầu nhục;
Khả kiến nhất ban đệ giải nhân,
Sinh hoạt hữu thì dã bất tục.*

Dịch nghĩa

THỊT CHÓ Ở BÀO HƯƠNG*

Khi qua Quả Đức, ăn cá tươi,
Lúc qua Bào Hương, ăn thịt chó;
Thế mới biết bọn lính giải tù,
Cách sống có lúc cũng sành sỏi.

Dịch thơ

THỊT CHÓ Ở BÀO HƯƠNG

Qua Quả Đức thì chén cá tươi,
Qua Bào Hương lại xơi thịt chó;
Cho hay bọn giải tù nhân này,
Cách sống đôi khi cũng sành đó.

ĐỖ VĂN HỸ *dịch*

* *Bào Hương*: Một địa điểm trên đường bộ từ Nam Ninh đi Vũ Minh.

築路夫 (84)

餐風浴雨未曾休
慘淡經營築路夫
車馬行人來往者
幾人感謝你功勞

Phiên âm

TRÚC LỘ PHU

*Xan phong dục vũ vị tằng hưu,
Thảm đạm kinh doanh* trúc lộ phu;
Xa mã hành nhân lai vãng giả,
Kỷ nhân cảm tạ nhĩ công lao?*

* *Thảm đạm kinh doanh*: Thành ngữ Trung Quốc nói dốc sức, mưu toan, tận tụy với công việc.

Dịch nghĩa

PHU LÀM ĐƯỜNG

Dãi gió dầm mưa chưa từng lúc nghỉ,
Người phu làm đường tận tụy với công việc;
Ngựa xe và khách bộ hành qua lại,
Mấy ai biết cảm tạ công lao của anh?

Dịch thơ

PHU LÀM ĐƯỜNG

**Dãi gió, dầm mưa chẳng nghỉ ngơi,
Phu đường vất vả lắm ai ơi!
Ngựa xe, hành khách thường qua lại,
Biết cảm ơn anh được mấy người?**

NAM TRÂN *dịch*

獄丁竊我之士的 (85)

一 生 正 直 又 堅 剛
攜 手 同 行 幾 雪 霜
恨 彼 奸 人 離 我 倆
長 教 我 你 各 淒 涼

Phiên âm

NGỤC ĐÌNH THIẾT NGÃ CHI SĨ ĐÍCH*

*Nhất sinh chính trực hựu kiên cương,
Huê thủ đồng hành kỷ tuyết sương;
Hận bỉ gian nhân ly ngã lương,
Trường giao ngã nhĩ các thê lương.*

* *Sĩ đích*: phiên âm tiếng Anh "stick", có nghĩa là chiếc gậy.

Dịch nghĩa

LÍNH NGỤC ĐÁNH CẮP MẮT CHIẾC GẬY CỦA TA

Suốt đời ngay thẳng lại kiên cường,
Dắt dìu nhau cùng đi đã mấy mùa sương tuyết;
Giận kẻ gian kia chia rẽ hai ta,
Khiến cho tôi và anh phải buồn thương mãi.

Dịch thơ

LÍNH NGỤC ĐÁNH CẮP MẮT CHIẾC GẬY CỦA TA

Suốt đời ngay thẳng lại kiên cường,
Dìu dắt nhau đi mấy tuyết sương;
Giận kẻ gian kia gây cách biệt,
Hai ta đắng dặc nỗi buồn thương.

NAM TRÂN *dịch*

公 里 碑 (86)

不	高	亦	不	遠
非	帝	亦	非	王
小	小	一	片	石
屹	立	大	道	旁
人	賴	你	指	示
不	走	錯	向	方
你	給	人	指	示
途	路	之	短	長
你	功	也	不	小
人	人	不	你	忘

Phiên âm

CÔNG LÝ BI

*Bất cao diệc bất viễn,
Phi đế diệc phi vương;
Tiểu tiểu nhất phiến thạch,
Ngật lập đại đạo bàng;
Nhân lai nhĩ chỉ thị,
Bất tẩu thác hướng phương;
Nhĩ cấp nhân chỉ thị,
Đồ lộ chi đoản trường;
Nhĩ công dã bất tiểu,
Nhân nhân bất nhĩ vương (vong).*

Dịch nghĩa

CỘT CÂY SỐ

Không cao cũng không xa,
Chẳng đế cũng chẳng vương;
Một phiến đá nho nhỏ,
Đứng sừng sững bên đường lớn;
Người nhờ anh chỉ lối,
Đi không sai phương hướng;
Anh chỉ dẫn cho người,
Con đường ngắn hay dài;
Công anh cũng không nhỏ,
Mọi người chẳng quên anh.

Dịch thơ

CỘT CÂY SỐ

**Chẳng cao cũng chẳng xa,
Không đế cũng không vương;
Một phiến đá nho nhỏ,
Đứng sừng sững bên đường;
Người nhờ anh chỉ lối,
Đi đúng hướng đúng phương;
Anh chỉ cho người biết,
Nào dậm ngắt, dậm trường;
Mọi người nhớ anh mãi,
Công anh chẳng phải thường.**

VĂN TRỰC - VĂN PHỤNG *dịch*

賓 陽 獄 中 孩 (87)

22 - 11

Oa... ! Oa... ! Oa... !

爺 怕 當 兵 救 國 家
所 以 我 年 才 半 歲
要 到 獄 中 跟 著 媽

Phiên âm

TÂN DƯƠNG NGỤC

TRUNG HÀI

22 - 11

Oa...! Oa...! Oaa...!

Gia phạ đương binh cứu quốc gia;

Sở dĩ ngã niên tài bán tuế,

Yếu đáo ngục trung căn trước ma.

Dịch nghĩa

**CHÁU BÉ TRONG
NGỤC TÂN DƯƠNG^{*}
22 - 11**

Oa...! Oa...! Oaa...!
Cha sợ vào lính cứu nước nhà;
Cho nên em vừa được nửa tuổi,
Đã phải vào tù cùng với mẹ.

Dịch thơ

**CHÁU BÉ TRONG
NGỤC TÂN DƯƠNG
22 - 11**

**Oa...! Oa...! Oaa...!
Cha sợ sung quân cứu nước nhà;
Nên nổi thân em vừa nửa tuổi,
Phải theo mẹ đến ở nhà pha.**

NAM TRẦN *dịch*

^{*} *Tân Dương*: Tên huyện, thuộc tỉnh Quảng Tây, một địa điểm trên đường bộ từ Nam Ninh đến Quế Lâm. Cũng như bài *Trung bình gia quyến*, bài này mượn lời một cháu nhỏ để châm biếm lối bắt lính của chính quyền Tưởng Giới Thạch. Vì không bắt được chồng vào lính, họ đã bỏ tù người vợ cùng với con nhỏ.

寄 尼 魯 (88)

我 奮 斗 時 君 活 動
君 入 獄 時 我 住 籠
萬 里 遙 遙 未 見 面
神 交 自 在 不 言 中

二 (89)

我 們 遭 逢 本 是 同
不 同 的 是 所 遭 逢
我 居 友 者 圈 圉 裡
君 在 仇 人 桎 梏 中

Phiên âm

KÝ NI LỖ

I

*Ngã phần đầu thì quân hoạt động,
Quân nhập ngục thì ngã trú lưng;
Vạn lý dao dao vị kiến diện,
Thần giao tự tại bất ngôn trung.*

II

*Ngã môn tao phùng bản thị đồng,
Bất đồng đích thị sở tao phùng;
Ngã cừ hữu giả quyền linh lý,
Quân tại cừu nhân cốc trất trung.*

Dịch nghĩa

GỬI NÊRU^{*}

I

Lúc tôi phấn đấu, anh hoạt động,
Lúc anh vào ngục, tôi ngồi tù;
Muôn dặm xa xôi, chưa từng gặp mặt,
Nhưng mỗi giao cảm sâu xa đã sẵn trong chỗ không lời.

II

Cảnh ngộ của chúng ta vốn giống nhau,
Nhưng không giống nhau lại cũng là ở cảnh ngộ;
Tôi, trong nhà tù của người bè bạn,
Còn anh, trong xiềng xích của kẻ thù.

^{*} *Nêru*: tức Sori Giavaháclan Nêru (1889 - 1964) một chiến sĩ của nền độc lập Ấn Độ và là Thủ tướng Ấn Độ từ năm 1947 đến năm 1964. Tác giả đã gặp cụ thân sinh ra Thủ tướng Nêru, cũng là một chiến sĩ lão thành, ở Hội nghị quốc tế chống chiến tranh quốc tế tại Brúcxen thủ đô nước Bỉ, năm 1927.

Dịch thơ

GỬI NÊRU

I

**Khi tôi phấn đấu, anh hoạt động,
Anh phải vào lao, tôi ở tù;
Muôn dặm xa vời chưa gặp mặt,
Không lời mà vẫn cảm thông nhau.**

II

**Đôi ta cảnh ngộ vốn không khác,
Cảnh ngộ giờ đây khác bội phần;
Tôi, chốn lao tù người bạn hữu,
Anh, trong gông xích bọn cừu nhân.**

HOÀNG TRUNG THÔNG dịch

燈 光 費 (90)

入 籠 要 納 燈 光 費
桂 幣 人 人 各 六 元
步 入 朦 朧 幽 暗 地
光 明 值 得 六 元 錢

Phiên âm

ĐĂNG QUANG PHÍ

*Nhập lung yếu nạp đăng quang phí,
Quế tệ nhân nhân các lục nguyên;
Bộ nhập môn lung u ám địa,
Quang minh trị đắc lục nguyên tiền!*

Dịch nghĩa

TIỀN ĐÈN

Vào tù nộp khoản tiền đèn,
Tiền Quảng Tây* mỗi người sáu đồng;
Bước vào nơi tối tăm mù mịt,
Sự quang minh đáng giá có sáu đồng.

Dịch thơ

TIỀN ĐÈN

Vào lao phải nộp khoản tiền đèn,
Tiền Quảng Tây vừa đúng sáu "nguyên";
Vào chỗ tối tăm mù mịt ấy,
Quang minh đáng giá bấy nhiêu tiền.

NAM TRÂN dịch

* *Tiền Quảng Tây*: nguyên văn là "Quế tệ", tức tiền Quế. Quế là một tên khác của tỉnh Quảng Tây.

獄 中 生 活 (91)

每 人 各 有 一 火 爐
大 大 小 小 幾 個 鍋
煮 飯 煮 茶 又 煮 菜
成 天 煙 火 沒 時 無

Phiên âm

NGỤC TRUNG SINH HOẠT

*Mỗi nhân các hữu nhất hỏa lô,
Đại đại, tiểu tiểu kỷ cá oa;
Chữ phạn chữ trà hựu chữ thái,
Thành thiên yên hỏa một thì vô.*

Dịch nghĩa

SINH HOẠT TRONG TÙ

Mỗi người đều có một hỏa lò,
Và mấy chiếc nồi lớn nhỏ;
Thổi cơm, đun trà, lại nấu thức ăn,
Suốt ngày khói lửa không lúc nào ngớt.

Dịch thơ

SINH HOẠT TRONG TÙ

Hỏa lò ai cũng có riêng rồi,
Nhỏ nhỏ, to to mấy chiếc nồi;
Cơm, nước, rau, canh, đun với nấu,
Suốt ngày khói lửa mãi không thôi.

NAM TRÂN *dịch*

郭先生 (92)

萍水相逢談片刻
郭君對我甚慇懃
雪中送炭雖然少
世界仍存這種人

Phiên âm

QUÁCH TIÊN SINH

"Bình thủy tương phùng", đàm phiến khắc,
Quách quân đối ngã thậm ân cần;
"Tuyết trung tống thán"** tuy nhiên thiếu,
Thế giới nhưng tồn giá chủng nhân.*

* *"Bình thủy tương phùng"*: thành ngữ Trung Quốc nghĩa là bèo theo nước khi hợp khi tan. Ý nói những người chưa từng quen biết bỗng dưng gặp nhau.

** *"Tuyết trung tống thán"*: thành ngữ Trung Quốc nghĩa là cho than sưởi ấm trong những ngày tuyết rơi. Ý nói giúp đỡ người khác những lúc hoạn loạn

Dịch nghĩa

TIÊN SINH HỌ QUÁCH

"Bèo nước gặp nhau", chuyện trò chốc lát,
Bác Quách đối với ta hết sức ân cần;
Những người "trong tuyết cho than" tuy rằng ít,
Nhưng trên đời vẫn còn những người như thế.

Dịch thơ

TIÊN SINH HỌ QUÁCH

"Gặp nhau bèo nước", chuyện gần xa,
Ông Quách ân cần đối đãi ta;
"Rét đến cho than", không mấy kẻ,
Đời này người thế vẫn còn mà.

NAM TRÂN - HUỆ CHI dịch

莫 班 長 (93)

慷 慨 賓 陽 莫 班 長
解 囊 買 飯 給 囚 人
晚 間 解 縛 給 他 睡
不 用 威 權 只 用 恩

Phiên âm

MẠC BAN TRƯỞNG

*Khảng khái Tân Dương, Mạc ban trưởng,
Giải nang mãi phạn cấp tù nhân;
Văn giai giải phược cấp tha thụy,
Bất dụng uy quyền, chỉ dụng ân.*

Dịch nghĩa

TRƯỞNG BAN HỌ MẠC

Hào hiệp thay, trưởng ban họ Mạc ở Tân Dương,
Bỏ tiền túi mua cơm cho tù nhân;
Tối đến cõng trói cho họ ngủ,
Không dùng uy quyền, chỉ dùng ân nghĩa.

Dịch thơ

TRƯỞNG BAN HỌ MẠC

**Trưởng ban họ Mạc người hào hiệp,
Dốc túi mua cơm giúp phạm nhân;
Đêm đến cõng thùng cho họ ngủ,
Chẳng dùng quyền thế, chỉ dùng ân.**

NAM TRÂN *dịch*

遷江獄 (94)

1 - 12

籠外六十九人盜
籠中的盜不知數
監房却像創藥堂
又像街上賣盜鋪

Phiên âm

THIÊN GIANG NGỤC

1 - 12

*Lục ngoại lục thập cửu nhân áng,
Lung trung đích áng bất tri số;
Giám phòng khước tượng bào dược đường,
Hựu tượng nhai thượng mại áng phổ.*

Dịch nghĩa

NHÀ LAO THIÊN GIANG^{*}

1 - 12

Ngoài lao sáu mươi chín cái ang người^{**},
Ang ở trong lao nhiều vô kể;
Buồng giam mà lại giống nhà bào chế thuốc,
Ai cũng giống hệt như cửa hàng bán ang ngoài phố!

Dịch thơ

NHÀ LAO THIÊN GIANG

1 - 12

**Ngoài lao sáu chín chiếc ang người,
Chồng chất trong lao biết mấy mươi;
Nhà ngục mà như nhà chế thuốc,
Gọi là hàng chính cũng không sai.**

NAM TRÂN *dịch*

^{*} *Thiên Giang*: Tên huyện thuộc tỉnh Quảng Tây.

^{**} *Ang người*: Một kiểu áo quan. Quảng Tây và một số tỉnh phía nam Trung Quốc có tục chôn người, thường theo tư thế ngồi, vào những chiếc ang.



Chủ tịch Hồ Chí Minh thăm đồng bào các dân tộc Tây Bắc nhân kỷ niệm 5 năm chiến thắng Điện Biên Phủ (7/5/1959)

Ảnh: Đinh Đăng Định - Bảo tàng Hồ Chí Minh

搭火車往來賓 (95)

幾十日來勞走路
今天得搭火車行
雖然只得坐炭上
畢竟比徒步漂亮

Phiên âm

THÁP HỎA XA VÃNG LAI TÂN

*Kỷ thập nhật lai lao tẩu lộ,
Kim thiên đắc tháp hỏa xa hành (hành);
Tuy nhiên chỉ đắc tọa than thượng,
Tất cánh tỷ đồ bộ phiêu lương (lượng).*

Dịch nghĩa

ĐÁP XE LỬA ĐI LAI TÂN^{*}

Mấy chục ngày qua đi bộ mệt nhoài,
Hôm nay được đáp xe lửa;
Dù chỉ được ngồi trên đồng than,
Nhưng so với đi bộ còn sang chán!

Dịch thơ

ĐÁP XE LỬA ĐI LAI TÂN

Cuộc bộ mấy mươi ngày vất vả,
Hôm nay được bước lên xe hỏa;
Dù rằng chỉ ngồi trên đồng than,
Sang gấp mấy lần khi cuộc bộ.

ĐỖ VĂN HỮY - HUỆ CHI dịch

^{*} *Lai Tân*: Tên huyện thuộc tỉnh Quảng Tây, một địa điểm trên đường sắt từ Nam Ninh đi Quế Lâm.

他 想 逃 (96)

一 心 只 想 自 由 境
拚 命 跳 車 他 走 開
可 惜 他 跑 半 里 許
又 被 警 兵 捉 回 來

Phiên âm

THA TƯỞNG ĐÀO

*Nhất tâm chỉ tưởng tự do cảnh,
Biền mệnh khiêu xa tha tẩu khai;
Khả tích tha bào bán lý hử,
Hựu bị cảnh binh tróc hồi lai!*

Dịch nghĩa

ANH ẤY MUỐN TRỐN

Một lòng chỉ mong mỗi cảnh tự do,
Liều mạng nhảy xuống xe, anh ấy trốn;
Tiếc thay mới chạy chừng nửa dặm,
Lại bị cảnh binh bắt đem về.

Dịch thơ

ANH ẤY MUỐN TRỐN

**Tự do anh ấy hằng mong mỗi,
Liều mạng đâm nhào nhảy xuống xe;
Rủi quá chạy đâu chừng nửa dặm,
Bị ngay cảnh sát bắt lôi về!**

NAM TRÂN *dịch*

來賓 (97)

監房班長天天賭
警長貪吞解犯錢
縣長燒燈辦公事
來賓依舊太平天

Phiên âm

LAI TÂN

*Giam phòng Ban trưởng thiên thiên đổ,
Cảnh trưởng tham thôn giải phạm tiền;
Huyện trưởng thiêu đăng biện công sự,
Lai Tân y cựu thái bình thiên.*

Dịch nghĩa

LAI TÂN

Ban trưởng nhà giam ngày ngày đánh bạc,
Cảnh trưởng tham lam ăn tiền phạm nhân bị giải;
Huyện trưởng chong đèn làm việc công,
Lai Tân vẫn thái bình như xưa.

Dịch thơ

LAI TÂN

**Ban trưởng nhà lao chuyên đánh bạc,
Giải người, cảnh trưởng kiếm ăn quanh;
Chong đèn, huyện trưởng làm công việc,
Trời đất Lai Tân vẫn thái bình.**

NAM TRÂN *dịch*

到 柳 州 (98)

9 - 12

千 辛 萬 苦 非 無 限
九 日 吾 人 到 柳 州
回 顧 百 餘 天 惡 夢
醒 來 面 尚 帶 餘 愁

Phiên âm

ĐÁO LIỄU CHÂU

9 - 12

*Thiên tân vạn khổ phi vô hạn,
Cửu nhật ngô nhân đáo Liễu Châu;
Hồi cố bách dư thiên ác mộng,
Tỉnh lai diện thượng đới dư sầu.*

Dịch nghĩa

ĐẾN LIỄU CHÂU^{*}

9 - 12

Muôn cay nghìn đắng không phải là vô hạn,
Ngày mòn chín, ta đến Liễu Châu;
Ngoảnh lại, hơn trăm ngày ác mộng,
Tỉnh ra, trên mặt còn vương chút u sầu.

Dịch thơ

ĐẾN LIỄU CHÂU

9 - 12

**Muôn cay nghìn đắng đâu vô tận,
Mòn chín ta vừa đến Liễu Châu;
Ngoảnh lại hơn trăm ngày ác mộng,
Tỉnh ra, trên mặt vẫn vương sầu.**

NAM TRÂN *dịch*

^{*} *Liễu Châu*: Một thành phố của tỉnh Quảng Tây, trên đường từ Nam Ninh đi Quế Lâm.

久不遞解 (99)

苦藥杯將乾更苦
難關末步倍艱難
長官部只隔里許
何故長留我此間

Phiên âm

CỬU BẤT ĐỆ GIẢI

*Khổ dược, bôi tương can cánh khổ,
Nan quan, mạt bộ bội gian nan;
Trường quan bộ chỉ cách lý hử,
Hà cố trường lưu ngã thử gian?*

Dịch nghĩa

GIAM LÂU KHÔNG ĐƯỢC CHUYỂN

Chén thuốc đắng, lúc gần cạn càng đắng,
Cửa ải khó, đến chặng cuối càng khó khăn;
Dinh trưởng quan chỉ cách chùng một dặm,
Cớ sao giữ mãi ta ở chốn này?

Dịch thơ

GIAM LÂU KHÔNG ĐƯỢC CHUYỂN

**Thuốc đắng, cạn liều càng thấy đắng,
Đường gay, cuối chặng lại càng thêm gay;
Dinh quan chỉ cách đây chùng dặm,
Sao mãi giam ta ở chốn này?**

NAM TRÂN *dịch*

夜 半 (100)

睡 時 都 像 純 良 漢
醒 後 才 分 善 惡 人
善 惡 原 來 無 定 性
多 由 教 育 的 原 因

Phiên âm

DẠ BÁN

*Thụy thì đô tượng thuần lương hán,
Tỉnh hậu tài phân thiện, ác nhân;
Thiện, ác nguyên lai vô định tính,
Đa do giáo dục đích nguyên nhân.*

Dịch nghĩa

NỬA ĐÊM

Lúc ngủ, mọi người đều có vẻ thuần hậu,
Tỉnh dậy, mới phân biệt rõ người thiện kẻ ác;
Thiện, ác vốn chẳng phải là bản tính cố hữu,
Phần lớn đều do giáo dục mà nên.

Dịch thơ

NỬA ĐÊM

**Ngủ thì ai cũng như lương thiện,
Tỉnh dậy phân ra kẻ dữ, hiền;
Hiền, dữ phải đâu là tính sẵn,
Phần nhiều do giáo dục mà nên.**

NAM TRÂN *dịch*

柳州獄 (101)

Phiên âm

LIÊU CHÂU NGỤC*

Dịch nghĩa

NHÀ NGỤC LIÊU CHÂU

* Trong nguyên bản, bài thơ này chỉ có đầu đề, không có thơ.

到長官部 (102)

想這難關是最後
自由日子快來臨
那知還有難關在
我們應該解桂林

Phiên âm

ĐÁO TRƯỞNG QUAN BỘ

*Tưởng giá nan quan thị tối hậu,
Tự do nhật tử khoái lai lâm;
Na tri hoàn hữu nan quan tại:
Ngã mẫn ưng cai giải Quế Lâm.*

Dịch nghĩa

ĐẾN DINH TRƯỞNG QUAN

Tưởng rằng cửa ải khó khăn này là cuối cùng,
Ngày tự do đang đến nhanh;
Ngờ đâu còn cửa ải khó khăn nữa:
Chúng tôi còn bị giải đi Quế Lâm*.

Dịch thơ

ĐẾN DINH TRƯỞNG QUAN

Tưởng qua cửa ải này là hết,
Ngày tự do đâu cũng chẳng chầy;
Nào biết gian nan còn ải nữa:
Quế Lâm còn phải giải đi ngay.

NAM TRÂN dịch

* Quế Lâm: Thủ phủ của tỉnh Quảng Tây.

四個月了 (103)

一 日 囚 千 秋 在 外
古 人 之 話 不 差 訛
四 月 非 人 類 生 活
使 余 憔 悴 十 年 多

因 爲
四 月 吃 不 飽
四 月 睡 不 好
四 月 不 換 衣
四 月 不 洗 澡

所以
落了髮
黑全
以了
白了
瘦身
一了
像是
一隻
許餓
癩
牙多
鬼痧

幸而
持久
不肯
物質
不動
和退
雖搖
忍一
痛精
耐分
苦神

Phiên âm

TỨ CÁ NGUYỆT LIỄU

*"Nhất nhật tù, thiên tu tại ngoại",
Cổ nhân chi thoại bất sai ngoa!
Tứ nguyệt phi nhân loại sinh hoạt,
Sử dư tiêu tụy thập niên đa.*

Nhân vị:

*Tứ nguyệt ngật bất bão,
Tứ nguyệt thụ bất hảo,
Tứ nguyệt bất hoán y,
Tứ nguyệt bất tẩy tảo.*

Sở dĩ:

*Lạc liễu nhất chích nha,
Phát bạch liễu hĩa đa,
Hắc sáu tượng ngã quý,
Toàn thân thị lại sa.*

Hạnh nhi:

*Trì cửu hòa nhĩn nại,
Bất khảng thoái nhất phân,
Vật chất tuy thống khổ,
Bất động dao tình thân...*

Dịch nghĩa

BỐN THÁNG RỒI

"Một ngày tù nghìn thu ở ngoài",
Lời nói người xưa thực không sai;
Sống chẳng ra người vừa bốn tháng,
Khiến mình tiêu tụy còn hơn mười năm.

Bởi vì:

Bốn tháng ăn không no,
Bốn tháng ngủ không yên,
Bốn tháng không thay áo,
Bốn tháng không tắm rửa.

Cho nên:

Rụng mất một chiếc răng,
Tóc bạc đi nhiều,
Gầy đen như quỷ đói,
Ghẻ lở khắp thân mình,

May sao:

Kiên trì và nhẫn nại,
Không chịu lùi một phân,
Vật chất tuy đau khổ,
Không nao núng tinh thần.

Dịch thơ

BỐN THÁNG RỒI

"Một ngày tù, nghìn thu ở ngoài",
Lời nói người xưa đâu có sai;
Sống khác loài người vừa bốn tháng,
Tiêu tụy còn hơn mười năm trời.

Bởi vì:

Bốn tháng cơm không no,
Bốn tháng đêm thiếu ngủ,
Bốn tháng áo không thay,
Bốn tháng không giặt giũ.

Cho nên:

**Răng rụng mất một chiếc,
Tóc bạc thêm mấy phân,
Gầy đen như quỷ đói,
Ghẻ lở mọc đầy thân.**

May mà:

**Kiên trì và nhẫn nại,
Không chịu lùi một phân,
Vật chất tuy đau khổ,
Không nao núng tinh thần.**

NAM TRÂN *dịch*

病重 (104)

外感華天新冷熱
內傷越地舊山河
獄中害病真辛苦
本應痛哭却狂歌

Phiên âm

BỆNH TRỌNG

*Ngoại cảm Hoa thiên tân lãnh nhiệt,
Nội thương Việt địa cựu sơn hà*;
Ngục trung hại bệnh chân tâm khổ,
Bản ưng thống khóc khước cuồng ca.*

* Hai câu đầu bài này dựa vào hai câu:

"Ngoại cảm Hán gia tân vũ lộ,

Nội thương Hàn quốc cựu sơn hà".

trong bài *Trương Lương tố đa bệnh* của Hoàng Phan Thái, tức Đầu xứ Thái, một nhà nho ở huyện Nghi Lộc, nay thuộc tỉnh Nghệ An, chống triều đình phong kiến nhà Nguyễn, bị xử tử thời Tự Đức.

Dịch nghĩa

ỒM NẶNG

Bên ngoài, cảm vì sự nóng lạnh mới thay đổi của trời Hoa,
Bên trong, đau vì non sông xưa của đất Việt;
Trong tù mắc bệnh thực đắng cay,
Lẽ ra phải khóc ròng mà ta cứ hát ngao!

Dịch thơ

ỒM NẶNG

**"Ngoại cảm" trời Hoa cơn nóng lạnh,
"Nội thương" đất Việt cảnh lầm than;
Ở tù mắc bệnh càng cay đắng,
Đáng khóc mà ta cứ hát tràn!**

NAM TRÂN *dịch*

到桂林 (105)

桂林無桂亦無林
只見山高與水深
榕蔭監房真可怕
白天黑黑夜沉沉

Phiên âm

ĐÁO QUẾ LÂM

*Quế Lâm vô quế diệc vô lâm,
Chỉ kiến sơn cao dĩ thủy thâm;
Dung âm giam phòng chân khả phạ,
Bạch thiên hắc hắc, dạ trầm trầm.*

Dịch nghĩa

ĐẾN QUẾ LÂM

Quế Lâm không quế cũng không rừng,
Chỉ thấy núi cao và sông sâu;
Cây đa rủ bóng xuống ruộng giã, thực đáng sợ,
Ban ngày thì sầm tối, ban đêm thì im lìm.

Dịch thơ

ĐẾN QUẾ LÂM

**Quế Lâm không quế, không rừng,
Sông sâu thăm thẳm, trập trùng núi cao;
Bóng đa đè nặng nhà lao,
Đêm sao lặng ngắt, ngày sao tối sầm!**

NAM TRÂN *dịch*

Bản dịch khác:

**Quế Lâm không quế, có rừng đâu,
Chỉ thấy non cao lẫn nước sâu;
Ngục dưới bóng đa ghê sợ thực,
Ngày thì ảm đạm, tối u sầu!**

XUÂN DIỆU - ĐỖ VĂN HỸ *dịch*

入籠錢 (106)

初來要納入籠錢
至少仍須五十元
倘你無錢不能納
你將步步碰麻煩

Phiên âm

NHẬP LUNG TIỀN

*Sơ lai yếu nạp nhập lung tiền,
Chí thiếu nhưng tu ngũ thập nguyên;
Thảng nhĩ vô tiền bất năng nạp,
Nhĩ tương bộ bộ bình ma phiền.*

Dịch nghĩa

TIỀN VÀO NHÀ GIAM

Mới đến, phải nộp khoản tiền vào nhà lao,
Ít nhất cũng năm mươi đồng;
Nếu anh không có tiền, không nộp được,
Mỗi bước đi anh sẽ gặp chuyện rắc rối.

Dịch thơ

TIỀN VÀO NHÀ GIAM

Mới đến nhà lao phải nộp tiền,
Lệ thường ít nhất năm mươi "nguyên"!
Nếu anh không có tiền đem nộp,
Mỗi bước anh đi, một bước phiền.

NAM TRÂN *dịch*

? ! (107)

空 空 苦 了 四 十 天
四 十 天 苦 不 勝 言
現 在 又 要 解 返 柳
真 是 令 人 悶 又 煩

Phiên âm

?!

*Không không khổ liễu tứ thập thiên,
Tứ thập thiên khổ bất thắng ngôn;
Hiện tại hựu yếu giải phản Liễu,
Chân thị linh nhân muộn hựu phiền.*

Dịch nghĩa

?!

Cực khổ không đâu mất bốn mươi ngày rồi,
Bốn mươi ngày khổ không nói xiết;
Nay lại phải giải trở về Liễu Châu,
Thực khiến cho người ta bức bối lại buồn phiền.

Dịch thơ

?!

**Không đâu khổ đã bốn mươi ngày,
Bốn chục ngày qua xiết đọa đày;
Nay lại giải về châu Liễu nữa,
Khiến người đã bức lại buồn thay!**

ĐỖ VĂN HỠ *dịch*

? (108)

柳 州 桂 林 又 柳 州
踢 來 踢 去 像 皮 球
含 冤 踏 遍 廣 西 地
不 知 解 到 幾 時 休

Phiên âm

?

*Liễu Châu, Quế Lâm hựu Liễu Châu,
Dịch lai dịch khứ, tượng bì cầu;
Hàm oan đạp biến Quảng Tây địa,
Bất tri giải đáo kỷ thời hưu?*

Dịch nghĩa

?

Liễu Châu, Quế Lâm lại Liễu Châu,
Đá qua đá lại như quả bóng da;
Ngậm oan đi khắp đất Quảng Tây,
Không biết giải đến bao giờ mới thôi?

Dịch thơ

?

**Liễu Châu, Quế Lâm lại Liễu Châu,
Đá qua đá lại, bóng chuyền nhau;
Quảng Tây đi khắp, lòng oan ức,
Giải đến bao giờ, giải tới đâu?**

NAM TRÂN *dịch*

到第四戰區政治部(109)

解過廣西十三縣
住了十八個監房
試問余所犯何罪
罪在為民族盡忠

Phiên âm

ĐÁO ĐỆ TỬ CHIẾN KHU CHÍNH TRỊ BỘ

*Giải quá Quảng Tây thập tam huyện,
Trú liễu thập bát cá giam phòng;
Thí vấn dư sở phạm hà tội?
Tội tại vị dân tộc tận trung!*

Dịch nghĩa

ĐẾN CỤC CHÍNH TRỊ CHIẾN KHU IV^{*}

Giải khắp mười ba huyện tỉnh Quảng Tây,
Dừng chân qua mười tám nhà lao;
Thử hỏi ta phạm tội gì?
Tội tận trung với dân tộc!

Dịch thơ

ĐẾN CỤC CHÍNH TRỊ CHIẾN KHU IV

Quảng Tây giải khắp mười ba huyện,
Mười tám nhà lao đã ở qua;
Phạm tội gì đây? Ta thử hỏi,
Tội trung với nước, với dân à?

NAM TRÂN *dịch*

^{*} Cục chính trị này đóng ở Liễu Châu, là một trung tâm quân sự của Trường Giới Thạch ở Quảng Tây lúc đó.

政 治 部 禁 閉 室 (110)

二 尺 闊 兮 三 尺 長
四 人 住 此 日 傍 徨
要 伸 伸 腳 也 不 可
因 爲 多 人 少 地 方

Phiên âm

CHÍNH TRỊ BỘ CẤM BẾ THẤT

Nhị xích khoát hề tam xích trường,
Tứ nhân trú thử nhật bàng hoàng;
Yếu thân thân cước dã bất khả,
Nhân vị đa nhân, thiếu địa phương.*

* Nguyên bản là chữ *xích*, một đơn vị đo chiều dài của Anh, tương đương với 0,305m. Bản của Viện Văn học trong lần xuất bản trước viết là *xích*, đơn vị đo chiều dài của Trung Quốc, tương đương 0,31m, cũng gần bằng xích Anh. Nếu theo những con số này thì diện tích phòng giam chỉ rộng chừng hơn nửa mét vuông ($0,305 \times 3 \times 0,305 \times 2 = 0,56$). Có lẽ không có một loại cấm bế thất nào nhỏ đến như vậy. Chúng tôi đoán tác giả dùng chữ *xích* để chỉ *công xích*, tức mét (mètre), nên chúng tôi tạm dịch là thước. Xà lim rộng 6m2 cũng là loại thường thấy.

Dịch nghĩa

NHÀ GIAM CỦA CỤC CHÍNH TRỊ

Hai thước rộng và ba thước dài,
Bốn người suốt ngày quanh quẩn trong đó;
Muốn đuổi chân một tí cũng không được,
Bởi người đông mà đất lại hẹp.

Dịch thơ

NHÀ GIAM CỦA CỤC CHÍNH TRỊ

**Hai thước rộng, ba thước dài,
Ngày đêm luẩn quẩn bốn người tù nhân;
Mỗi chân, không chỗ đuổi chân,
Người đông, phòng hẹp, khó phần trở xoay**

KHƯƠNG HỮU DỤNG *dịch*

蒙 優 待 (111)

吃 夠 飯 菜 睡 夠 氈
又 給 零 錢 買 報 烟
主 任 梁 公 優 待 我
我 心 感 激 不 勝 言

Phiên âm

MÔNG ƯU ĐÃI

*Ngật câu phạn thái, thụy câu chiên,
Hựu cấp linh tiền mãi báo, yên;
Chủ nhiệm Lương công ưu đãi ngã,
Ngã tâm cảm kích bất thắng ngôn.*

Dịch nghĩa

ĐƯỢC ƯU ĐÃI

Ăn đủ cơm rau, ngủ đủ chăn đắp,
Lại cho tiền mua báo, mua thuốc hút;
Chủ nhiệm họ Lương ưu đãi ta,
Lòng ta cảm kích không thể nói xiết.

Dịch thơ

ĐƯỢC ƯU ĐÃI

**Ăn có cơm rau, ngủ có mền,
Báo xem, thuốc hút: cấp cho tiền;
Ông Lương chủ nhiệm đãi ta hậu,
Cảm kích lòng ta, nói chẳng nên.**

HUỆ CHI dịch

朝 景 (112)

太 陽 每 早 從 山 上
照 得 全 山 處 處 紅
只 爲 籠 前 有 黑 影
太 陽 未 照 到 籠 中

Phiên âm

TRIỀU CẢNH

*Thái dương mỗi tảo tòng sơn thượng
Chiếu đắc toàn sơn xứ xứ hồng;
Chỉ vị lung tiền hữu hắc ảnh,
Thái dương vị chiếu đáo lung trung.*

Dịch nghĩa

CẢNH BUỔI SỚM

Mỗi buổi sớm, mặt trời nhô lên từ đỉnh núi,
Chiếu khắp núi, nơi nào cũng đỏ rực;
Chỉ vì trước nhà tù có bóng đen,
Mặt trời chưa rọi được vào trong ngục.

Dịch thơ

CẢNH BUỔI SỚM

**Đầu non sớm sớm vàng dương mọc,
Khắp núi nơi nơi rực ánh hồng;
Chỉ bởi trước lao còn bóng tối,
Mặt trời chưa rọi thấu vào trong.**

NAM TRÂN *dịch*

清 明 (113)

清 明 時 節 雨 紛 紛
籠 裡 囚 人 欲 斷 魂
借 問 自 由 何 處 有
衛 兵 遙 指 辦 公 門

Phiên âm

THANH MINH^{*}

*Thanh minh thời tiết vũ phân phân,
Lung lý tù nhân giục đoạn hồn;
Tá vấn tỵ do hà xứ hữu?
Vệ binh đao chỉ biện công môn.*

^{*} Bài này dựa theo một bài thơ nổi tiếng của Đỗ Mục đời Đường:

*Thanh minh thời tiết vũ phân phân,
Lộ thượng hành nhân dục đoạn hồn;
Tá vấn tỵ gia hà xứ hữu?
Mục đồng đao chỉ Hạnh Hoa thôn.*

Nghĩa là:

Tiết thanh minh mưa phùn lất phất,
Trên đường người đi buồn đứt ruột;
Ướm hỏi nơi nào có quán rượu?
Trẻ chăn trâu chỉ tay về phía xa: thôn Hạnh Hoa.

Dịch nghĩa

TIẾT THANH MINH

Tiết thanh minh mưa phùn dày hạt,
Trong ngục, người tù buồn đứt ruột;
Ướm hỏi: nơi nào có tự do?
Lính gác chỉ tay về phía xa: cửa công đường.

Dịch thơ

TIẾT THANH MINH

Thanh minh lát phất mưa phùn,
Tù nhân nghe thấm nỗi buồn xót xa;
Tự do, thử hỏi đâu là?
Lính canh trở lối thẳng ra công đường.

NAM TRÂN dịch

晚 景 (114)

玫 瑰 花 開 花 又 謝
花 開 花 謝 兩 無 情
花 香 透 入 籠 門 裡
向 在 籠 人 訴 不 平

Phiên âm

VĂN CẢNH

*Mai khôì hoa khai hoa hựu tạ,
Hoa khai hoa tạ lưỡng vô tình;
Hoa hương thấu nhập lung môn lý,
Hương tại lung nhân tố bất bình.*

Dịch nghĩa

CẢNH CHIỀU HÔM

Hoa hồng nở hoa hồng lại tàn,
Hoa nở hoa tàn đều vô tình;
Hương thơm bay thấu vào trong ngực,
Tới kẻ với người trong ngực nổi bất bình.

Dịch thơ

CẢNH CHIỀU HÔM

Hoa hồng nở hoa hồng lại rụng,
Hoa tàn, hoa nở cũng vô tình;
Hương hoa bay thấu vào trong ngực,
Kẻ với tù nhân nổi bất bình.

NAM TRÂN *dịch*

伍科長黃科員 (115)

伍科長與黃科員
兩二見我太可憐
慇懃慰問和幫助
這像冬寒遇暖天

Phiên âm

NGŨ KHOA TRƯỞNG, HOÀNG KHOA VIÊN

*Ngũ khoa trưởng dữ Hoàng khoa viên,
Lưỡng nhị kiến ngã thái khả liên;
Ân cần ủy vấn hòa bang trợ,
Giá tượng đông hàn ngộ noãn thiên.*

Dịch nghĩa

KHOA TRƯỞNG HỌ NGŨ, KHOA VIÊN HỌ HOÀNG

Khoa trưởng họ Ngũ và khoa viên họ Hoàng,
Hai người đến thăm thấy tình cảnh của ta rất đáng thương;
Ân cần thăm hỏi và giúp đỡ,
Thật giống như mùa đông rét mướt gặp được ngày nắng ấm.

Dịch thơ

**KHOA TRƯỞNG HỌ NGŨ,
KHOA VIÊN HỌ HOÀNG**

**Họ Ngũ trưởng khoa với họ Hoàng,
Thấy ai cùng cực động lòng thương;
Ân cần thăm hỏi và cứu giúp,
Như nắng bừng lên giữa giá sương.**

HUỆ CHI *dịch*

限制 (116)

沒有自由真痛苦
出恭也被人制裁
開籠之時肚不痛
肚痛之時籠不開

Phiên âm

HẠN CHẾ

*Một hữu tự do chân thống khổ,
Xuất cung đã bị nhân chế tài;
Khai lung chi thì đồ bất thống,
Đồ thống chi thì lung bất khai.*

Dịch nghĩa

BỊ HẠN CHẾ

Không có tự do thực thống khổ,
Đến chuyện đi tiêu cũng bị người hạn chế;
Lúc mở cửa ngục, bụng không đau,
Đến lúc bụng đau, ngục không mở.

Dịch thơ

BỊ HẠN CHẾ

Đau khổ chỉ bằng mất tự do,
Đến buồn đi ỉa cũng không cho;
Cửa tù khi mở, không đau bụng,
Đau bụng thì không mở cửa tù.

NAM TRÂN *dịch*



Chủ tịch Hồ Chí Minh ký lệnh công bố Hiến pháp nước
Việt Nam dân chủ cộng hòa (31/12/1959)

Ảnh chụp lại của TTXVN

楊濤病重 (117)

無端平地起波濤
送你楊濤入坐牢
城火池魚堪浩嘆
而今你又咳成癆

Phiên âm

DUYANG ĐÀO BỆNH TRỌNG

*Vô đoan bình địa khởi ba đào,
Tống nhĩ Dương Đào nhập tọa lao;
"Thành hỏa trì ngư" kham hạo thán,
Nhi kim nhĩ hựu khái thành lao.*

Dịch nghĩa

DƯƠNG ĐÀO* ỒM NẶNG

Không dung đất bằng nổi sóng,
Đưa anh, Dương Đào, vào ngòi tù;
"Cháy thành vạ lây", đáng thở than biết mấy,
Mà nay, anh lại mắc chứng lao.

Dịch thơ

DƯƠNG ĐÀO ỒM NẶNG

Sóng dậy đất bằng hỏi có sao,
Đẩy anh vào ngục, anh Dương Đào;
Cháy thành lây vạ, buồn khôn xiết,
Nay lại thương anh mắc chứng lao.

HOÀNG TRUNG THÔNG dịch

* *Dương Đào*: Một nông dân ở biên giới Quảng Tây, dẫn đường cho Hồ Chí Minh bị bắt và bị giam cầm cùng với Người. Sau khi Hồ Chí Minh ra tù được ít lâu, ông cũng ra tù và chết tại Liễu Châu vì bệnh lao. Hồ Chí Minh rất thương tiếc, coi như anh em. Tháng 8-1963, Hồ Chủ tịch đã mời 7 vị có công giúp đỡ cách mạng Việt Nam ở hai huyện Tĩnh Tây và Na Pha (Quảng Tây) sang thăm nước ta, trong đó có Dương Thắng Cường, em ruột Dương Đào.